

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH VÀ CHIẾN THUẬT

1) THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật
- Mã học phần: 06CQ0064
- Số tín chỉ: 4 tiết lý thuyết và 56 tiết thực hành.
- Trình độ: Đại học chính quy
- Môn học tiên quyết: (không)
- Môn học song hành: (không)
- Môn học trước: (không)
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐			
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐	
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của giảng viên và sinh viên:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	60	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	64	tiết
<i>Lý thuyết:</i>	4	tiết	<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>	64	tiết
<i>Thực hành:</i>	56	tiết	<i>Làm bài tập ở nhà:</i>	0	tiết
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>	0	tiết	<i>Làm việc nhóm:</i>	0	tiết
<i>Hoạt động khác:</i>	0	tiết			

2) MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là học phần cơ bản thuộc chương trình đào tạo ngành Dược học, học phần cung cấp cho người học những kiến thức về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân

sự, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

3) NGUỒN HỌC LIỆU

a) Tài liệu/giáo trình chính

[1] Nguyễn Tiến Hải (2008), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng an ninh*. NXB Chính trị quốc gia.

b) Tài liệu tham khảo/bổ sung

[2] Đặng Đức Thắng (2016). *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh*. NXB Giáo dục.

[3] Các tài liệu, học cụ, vũ khí, tranh ảnh, băng đĩa có liên quan đến môn học giáo dục quốc phòng.

4) MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu	Mô tả	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
G1	- Có kiến thức cơ bản tính năng, cấu tạo, nguyên lý sử dụng, bảo quản một số loại vũ khí bộ binh thông thường; Nguyên lý kỹ thuật chiến đấu cá nhân; Các quy định khi thực hiện một số nhiệm vụ trong quân đội.	PLO1	3.0
G2	- Thực hiện đúng các kỹ, chiến thuật cá nhân trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và cảnh giới (canh gác). Biết cách sử dụng, bảo quản súng tiểu liên AK và một số loại lựu đạn thông thường.	PLO1 PLO6	2.0
G3	- Có ý thức tổ chức kỷ luật, năng lực làm việc độc lập, học tập tự chủ trong học tập và nghiên cứu có tinh thần trách nhiệm cao trong việc tìm hiểu các nội dung liên quan đến học phần hình thành niềm tin rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và lý tưởng cho người học Xây dựng lòng tin chiến thắng trước mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam.	PLO13 PLO15	2.0

5) CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

- Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật với CDR Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung cho học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.

Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Các CDR cấp độ 2 và 3 của Chương trình đào tạo ngành Được học phân nhiệm cho học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật
--	---

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO6	PLO13	PLO15	
Trình độ năng lực	3.0	3.0	3.0	3.0	
Mức độ giảng dạy ITU	ITU3	ITU3	ITU4	ITU4	

- Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật, được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật, đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR của CTĐT tương ứng
G1.1	- Phân tích được tính năng, cấu tạo, nguyên lý sử dụng, bảo quản một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật chiến đấu cá nhân.	3.0	PLO1
G1.2	- Tìm hiểu những quy định khi thực hiện một số nhiệm vụ trong quân đội.	2.0	PLO1
G2.1	- vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện đúng các kỹ, chiến thuật cá nhân trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và canh giới (canh gác).	3.0	PLO6
G2.2	- Vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.	2.0	PLO6
G3.1	- Yêu thích môn học và tìm hiểu các vấn đề của nền quốc phòng toàn dân an ninh nhân dân góp phần hình thành niềm tin, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và lý tưởng cho sinh viên, xây dựng lòng tin chiến thắng trước mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam	2.0	PLO13 PLO15
G3.2	- hình thành ý thức tổ chức kỷ luật năng lực làm việc độc lập tự chủ trong học tập và nghiên cứu tinh thần trách nhiệm cao trong việc tìm hiểu các nội dung liên quan đến học phần	2.0	PLO13 PLO15

6) KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Buổi	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	CDR	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Bài 1: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	2	0	22	0	6			

1+2+ 3+4+ 5+6	1.1. Ngắm bắn 1.2. Ngắm trúng và ngắm chụm 1.3. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK 1.4. Thực hành động tác ngắm bắn súng tiểu liên AK 1.5 Tập ngắm bắn 1.6. Tập bắn trúng, bắn chụm 1.7. Tập bắn mục tiêu ban ngày bằng súng tiểu liên AK Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập - Làm mẫu - Giảng dạy phân đoạn và hoàn chỉnh: Giảm bớt độ khó thuận lợi cho việc học tập, làm nổi bật trọng điểm và điểm khó. Phương pháp này được sử dụng khi giảng dạy những động tác phức tạp, để đạt được chuẩn đầu ra G3.1, G3.2 -Phương pháp sửa sai: Dùng để sửa chữa những lỗi sai khi thực hiện động tác, phòng tránh						G1.1 G2.1	Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng Tập luyện nghiêm túc. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn khi sử dụng vũ khí. Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu, đặt ra câu hỏi cần giải đáp Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	
------------------------------	---	--	--	--	--	--	----------------------	--	--

	những thói quen sai khi luyện tập của người học, để đạt được các chuẩn đầu ra G1.2, G2.1. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm							
	Bài 2: Tính năng cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1.	4	0	6	0	20		
7+8+ 9+10	2.1. Giới thiệu một số loại lựu đạn Việt Nam 2.2. Quy tắc sử dụng và bảo quản lựu đạn 2.3. Tư thế, động tác ném lựu đạn 2.4. Thực hành sử dụng lựu đạn: Ném lựu đạn trúng đích Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập - Làm mẫu - Giảng dạy phân đoạn và hoàn chỉnh - Phương pháp sửa sai. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm						G1.1 G2.1	Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng Tập luyện nghiêm túc. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn khi sử dụng vũ khí. Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu, đặt ra câu hỏi cần giải đáp Tóm tắt bài học trước khi đến lớp

	Bài 3: Từng người trong chiến đấu tiến công	0	0	16	0	32			
11+12 +13+ 14	3.1. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật 3.2. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ 3.3. Thực hành chiến đấu 3.4. Hành động của từng người khi chiếm được mục tiêu 3.5. Thực hành từng người trong chiến đấu tiến công Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Hướng dẫn người học tự học, đọc tài liệu và tự luyện tập - Làm mẫu - Giảng dạy phân đoạn và hoàn chỉnh - Phương pháp sửa sai. - Đặt câu hỏi yêu cầu SV trả lời - Thảo luận nhóm						G2.2 G3.1	Yêu cầu tại lớp: Tập luyện nghiêm túc. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn khi sử dụng vũ khí. Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu, đặt ra câu hỏi cần giải đáp Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	
	Bài 4: Từng người trong chiến đấu phòng ngự	0	0	8	0	16			
15+16	4.1. Đặc điểm tiến công của địch						G2.1 G2.2	Yêu cầu tại lớp: Tập luyện nghiêm túc.	

	4.2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật 4.3. Hành động của từng người khi thực hành chiến đấu							Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn khi sử dụng vũ khí. Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu, đặt ra câu hỏi cần giải đáp Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	
	Bài 5: Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)	0	0	4	0	8			
17	5.1. Nguyên tắc canh gác, cảnh giới. Yêu cầu đối cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới. 5.2. Canh gác, cảnh giới tại vọng gác 5.3. Cơ động tuần tra, kiểm soát 5.4. Giải quyết các tình huống xảy ra tại mục tiêu 5.5. Từng người làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới						G1.2 G3.2	Yêu cầu tại lớp: Tập luyện nghiêm túc. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn khi sử dụng vũ khí. Yêu cầu tại nhà: Đọc tài liệu, đặt ra câu hỏi cần giải đáp Tóm tắt bài học trước khi đến lớp	

7) ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1.Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần		- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bảo và tham gia các	- Tham dự đúng, đủ giờ học.	10%

			hoạt động trong giờ học. - Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	- Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	
	A1.2. Bài kiểm tra	G1 G2 G3	- Bài kiểm tra	- Theo đáp án thang điểm quy định	30%
A2. Đánh giá kết thúc	A2.1. Thi kết thúc học phần	G1 G2 G3	- Thi vấn đáp - Thực hành	- Theo đáp án thang điểm quy định	60%

8) MA TRẬN CÂU HỎI THI

Thời gian làm bài: 90 phút

Đề thi gồm 2 câu:

Câu 1 (3 điểm): Nội dung tương ứng tín chỉ 1 và 2

Câu 2 (7 điểm): Vận dụng, thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong nội dung tín chỉ 1, 2.

Cấp độ nhận thức: 20% nhận biết, 40% thông hiểu, 30% vận dụng thấp, 10% vận dụng cao.

TRƯỞNG KHOA

**GIÁM ĐỐC
CHƯƠNG TRÌNH**

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC
- Mã học phần: 06CQ0621
- Số tín chỉ: 2
- Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ hai
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐				
		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐		Bổ trợ ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	30	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	70	tiết
Lý thuyết:	30	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	-	tiết
Thực hành:	0	tiết	Làm bài tập ở nhà:	-	tiết
Thảo luận / Thuyết trình:	0	tiết	Làm việc nhóm:	-	tiết
Hoạt động khác:	0	tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

- Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bản chất, chức năng, nguồn gốc, sự phát triển của ngôn ngữ; đồng thời, cung cấp những kiến thức về từng bộ phận thuộc bình diện cấu trúc hoặc bình diện sử dụng của ngôn ngữ như: ngữ âm, hình thái, cú pháp, ngữ nghĩa, giao tiếp, ngữ dụng...
- Ngoài ra, môn học cũng bước đầu cung cấp cho sinh viên một số thao tác, kỹ năng đơn giản như: phân tích để nhận rõ và phân biệt được hệ thống và cấu trúc của

ngôn ngữ, nhận diện và miêu tả các đơn vị ngữ pháp, phân tích ngữ âm học, miêu tả ngữ âm học...

3. NGUỒN HỌC LIỆU

a. Tài liệu/giáo trình chính:

- Bùi Minh Toán, *Dẫn luận ngôn ngữ học*, Nxb. Đại học Sư phạm, 2014
- Hoàng Dũng, Bùi Mạnh Hùng, *Giáo trình dẫn luận Ngôn ngữ học*, Nxb. ĐHSPTP HCM, 2007

b. Tài liệu tham khảo/bổ sung:

- Vũ Đức Nghiệu, *Dẫn luận Ngôn ngữ học*, Nxb. ĐHQG Hà Nội, 2009
- Nguyễn Thiện Giáp. *Cơ sở ngôn ngữ học*, Nxb. KHXH. Hà Nội, 1998
- Các loại học liệu khác: các địa chỉ website tiếng Trung; Slides bài giảng, bài đọc, bài tập, bài đọc thêm. Tài liệu lưu hành nội bộ do giảng viên phụ trách môn học biên soạn.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Hiểu được những kiến thức cơ bản trong ngôn ngữ và một số vấn đề hữu quan như giao tiếp, nhận thức, quan hệ ngôn ngữ và tư duy, phân loại ngôn ngữ; các đặc điểm cấu trúc của ngôn ngữ, về từng bộ phận và từng mặt như ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng... của ngôn ngữ	PLO1 PLO2	3.0
G ₂	Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả, lập kế hoạch học tập của bản thân, thái độ tích cực và chủ động rèn luyện nâng cao kiến thức của bản thân. Thực hiện được một số thao tác cụ thể, đơn giản trong phân tích, nhận diện các đơn vị ngôn ngữ, các bộ phận của ngôn ngữ.	PLO15 PLO16 PLO17	2.0
G ₃	Tích cực tham gia các hoạt động tại lớp, chủ động việc tự học, nghiên cứu ngoài giờ học. Thái độ tự tin và linh hoạt trong xử lý các tình huống phát sinh khi thuyết trình. Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng thuyết trình trong cuộc sống.	PLO19 PLO20	2.0

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR Học phần Dẫn luận ngôn ngữ học với CDR Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ Trung cho học phần Dẫn luận ngôn ngữ học.

Học phần Dẫn luận ngôn ngữ học	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung phân nhiệm cho học phần Dẫn luận ngôn ngữ học						
	PLO1	PLO 2	PLO15	PLO16	PLO17	PLO19	PLO20
Trình độ năng lực	3.0	2.0	3.0	2.0	2.0	2.0	2.0
Mức độ giảng dạy ITU	TU3	TU2	TU3	TU2	TU3	TU2	TU2

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Dẫn luận ngôn ngữ học được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Dẫn luận ngôn ngữ học đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Xác định được các khái niệm thuật ngữ và phương pháp trong lĩnh vực ngôn ngữ học.	3.0	PLO2
G1.2	Phân biệt các loại cấu trúc, cách lựa chọn thuật ngữ phù hợp	3.0	PLO2
G1.3	Giải thích được các kỹ thuật dịch, lựa chọn các cấu trúc dịch	2.0	PLO2
G1.4	Nhận diện các loại bài viết và thể loại, các cấu trúc. Các vấn đề khó khăn gặp phải trong việc thực hành ngôn ngữ	2.0	PLO2
G2.1	Vận dụng các thuật ngữ chuyên môn, phân tích cấu trúc để biên dịch nội dung bài báo, văn bản từ tiếng Trung sang tiếng Việt và ngược lại.	2.0	PLO2 PLO12
G2.2	Vận dụng các lý thuyết trong các tình huống để trau dồi kinh nghiệm.	2.0	PLO16
G3.1	Hình thành kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong các lĩnh vực chuyên môn.	2.0	PLO15
G3.2	Hình thành kỹ năng thuyết trình trước đám đông và trả lời câu hỏi, giao tiếp, làm việc nhóm, làm việc độc lập	2.0	PLO16
G3.3	Phát triển kỹ năng biên phiên dịch, đọc hiểu, sử dụng thuật ngữ và cấu trúc.	2.0	PLO15 PLO16

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G3.4	Phát triển kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh, trả lời câu hỏi.	3.0	PLO15
G4.1	Có thái độ khách quan, trung thực. Có ý thức vận dụng kiến thức trong công việc chuyên môn.	2.0	PLO19 PLO20

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Giới thiệu học phần Thảo luận các chi tiết của học phần Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về ngôn ngữ và ngôn ngữ học 1.1. Khái niệm ngôn ngữ và bản chất, chức năng ngôn ngữ 1.2. Ngôn ngữ học và đối tượng nghiên cứu	4	0	0	0	8	G1.1 G1.2 G1.4	Chuẩn bị bài dạy và bài học Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
2	Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về ngôn ngữ và ngôn ngữ học (Tiếp theo) 1.3. Hệ thống và cấu trúc ngôn ngữ 1.4. Các quan hệ trong ngôn ngữ 1.5. Các phân ngành của ngôn ngữ học	4	0	0	0	9		Chuẩn bị bài dạy và bài học Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
3	Chương 2: Ngữ âm học	4	0	0	0	9	G1.1 G3.2	Chuẩn bị bài dạy và bài học Đọc và làm bài tập	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	2.1. Đối tượng của Ngữ âm học 2.2. Bản chất và cấu tạo ngữ âm 2.3. Các đơn vị đoạn tính						G3.3	Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
4	Chương 2: Ngữ âm học (Tiếp theo) 2.3. Các đơn vị đoạn tính (tiếp theo) 2.4. Các đơn vị siêu đoạn tính	4	0	0	0	9	G1.1 G3.2 G3.3	Chuẩn bị bài dạy và bài học Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Yêu cầu tại nhà : Đọc bài trước Tra nghĩa của từ	
5	Chương 3: Ngữ pháp học 3.1. Đối tượng nghiên cứu và các phân ngành của Ngữ pháp học 3.2. Ý nghĩa và phương thức của ngữ pháp 3.3. Phạm trù ngữ pháp	4	0	0	0	9	G1.1 G3.2 G3.3	Chuẩn bị bài dạy và bài học Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
6	Chương 3: Ngữ pháp học (Tiếp theo) 3.4. Hình thái học 3.5. Phạm trù từ loại	4	0	0	0	9		Chuẩn bị bài dạy và bài học Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	3.6. Cú pháp học và quan hệ cú pháp Kiểm tra giữa kỳ							Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
7	Chương 4: Ngữ nghĩa học 4.1. Đối tượng của ngữ nghĩa học 4.2. Ngữ học từ vựng 4.3. Quan hệ ngữ nghĩa giữa các từ ngữ 4.4. Trường từ vựng	4	0	0	0	9		Chuẩn bị bài dạy và bài học Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
8	Chương 4: Ngữ nghĩa học (Còn lại) 4.5. Nghĩa cú pháp 4.6. Ngữ nghĩa học dụng pháp 4.7. Quan hệ giữa tiền giả định với hàm ý	2	0	0	0	7		Chuẩn bị bài dạy và bài học Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
	Tổng	30	0	0	0	70			

7.ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMĐ

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Điểm Chuyên cần	G3, G4	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị báo và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Thuyết trình nhóm	G2.1 G2.2	<u>Kiến thức</u> : cấu trúc câu tương đương, thuật ngữ chuyên ngành, <u>Kỹ năng</u> : trình bày nội dung, soạn slides, <u>Thái độ</u> : độc lập suy nghĩ	Nội dung rõ ràng. Cấu trúc câu đúng văn phạm, nội dung tương đương. Phương pháp thuyết trình phù hợp	15%
	A2.2. Thi giữa kỳ	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các cấu trúc tương đương, nội dung dịch thuật phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đúng chuyên ngành <u>Kỹ năng</u> : viết và trình bày, thuyết trình, sử dụng từ điển thích hợp <u>Thái độ</u> : tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh	15%
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Thi kết thúc học phần	G6.1, G6.2, G6.3	<u>Kiến thức</u> : các cấu trúc tương đương, nội dung dịch thuật phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đúng chuyên ngành <u>Kỹ năng</u> : viết và trình bày, thuyết trình, sử dụng từ điển thích hợp <u>Thái độ</u> : tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh	60%

8.MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Câu 1	Chuẩn NL (CĐR)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 2	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 3	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 4	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 5	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0 %

P.TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ThS. Phạm Thành Trung

TS. Phạm Ngọc Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM
- Mã học phần: 06CQ0016
- Số tín chỉ: 2
- Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ hai
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐				
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐		Bổ trợ ☐
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	30	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	90	tiết
Lý thuyết:	30	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	-	tiết
Thực hành:	0	tiết	Làm bài tập ở nhà:	-	tiết
Thảo luận / Thuyết trình:	0	tiết	Làm việc nhóm:	-	tiết
Hoạt động khác:	0	tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

- Môn học Cơ sở Văn hóa Việt Nam giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về văn hóa, đặc trưng văn hóa, nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam từ nguồn gốc cho đến nay.
- Tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Tìm hiểu sự giao lưu

ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

a. Giáo trình chính:

- Trần Quốc Vượng (2009), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục.

b. Tài liệu tham khảo:

- Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXBGD.

- Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm hiểu bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB TP HCM.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

M T	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Biết được các kiến thức cơ bản về khái niệm văn hóa và các khái niệm hữu quan; hiểu được các tiến trình văn hóa Việt Nam; các thành tố văn hóa.	PLO1 PLO2	3.0
G ₂	Nhận diện, phân tích được đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc.	PLO2	2.0
G ₃	Kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, thuyết trình, phân tích, tổng hợp, đánh giá, thu thập và xử lý thông tin.	PLO15 PLO16 PLO18	2.0
G ₄	Yêu mến, trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống văn hoá dân tộc. Thái độ khách quan, trung thực, cẩn thận. Có tinh thần vận dụng các kiến thức đã học trong công tác chuyên môn.	PLO19 PLO20	2.0

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam với CDR Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Trung cho học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung phân nhiệm cho học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam						
	PLO1	PLO2	PLO15	PLO16	PLO18	PLO19	PLO20
Trình độ năng lực	3.0	2.0	3.0	2.0	2.0	2.0	2.0
Mức độ giảng dạy ITU	TU3	TU2	TU3	TU2	TU3	TU2	TU2

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Xác định được khái niệm văn hóa, các đặc trưng và chức năng của văn hóa, các hình thức văn hóa, văn hóa và đời sống xã hội.	3.0	PLO1
G1.2	Phân biệt các hình thức văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, nhận thức của con người về đời sống tự nhiên và xã hội.	3.0	PLO2
G1.3	Giải thích được khái niệm văn hóa, một số đặc trưng và chức năng của văn hóa, các hình thức khác nhau của văn hóa tổ chức đời sống cá nhân và xã hội.	2.0	PLO2
G1.4	Nhận diện các loại hình thức văn hóa khác nhau, các đặc trưng và lớp văn hóa Việt Nam, ảnh hưởng của các nét văn hóa khác nhau trong đời sống ở Việt Nam.	2.0	PLO2
G2.1	Vận dụng được các khái niệm, đặc trưng để giải thích về tiến trình và nguồn gốc một số nét văn hóa.	2.0	PLO2
G2.2	Vận dụng và phát huy những giá trị truyền thống dân tộc.	2.0	PLO19 PLO20

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G3.1	Hình thành kỹ năng nhận diện các đặc điểm, đặc trưng của văn hóa dân tộc.	2.0	PLO15 PLO16
G3.2	Tìm kiếm, đọc và thu thập tài liệu liên quan đến môn Cơ sở văn hóa.	2.0	PLO16 PLO18
G3.3	Có kỹ năng thuyết trình và giao tiếp, làm việc nhóm, làm việc độc lập	2.0	PLO16
G4.1	Có thái độ khách quan, trung thực, có trách nhiệm trong việc phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn.	2.0	PLO19 PLO20

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học c	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
1	Chương I: Văn hóa và Văn hóa Việt Nam	4	0	0	0	8			
	1. Khái niệm 1.1 Văn hoá là gì? 1.2 Phân biệt văn hoá với văn minh, văn hiến, văn vật 2. Các đặc trưng và chức năng của văn hóa 2.1. Tính hệ thống và chức năng tổ chức xã hội 2.2. Tính giá trị và chức năng điều chỉnh, thúc đẩy xã hội 2.3. Tính nhân sinh và chức năng giao tiếp						G1.1 G4.1	Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Tóm tắt bài học trước khi đến lớp. Đọc tài liệu	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
	2.4.Tính lịch sử-truyền thống và chức năng giáo dục 3.Định vị văn hóa Việt Nam 3.1.Tổng quan về Việt Nam 3.2.Chủ thể và thời gian văn hoá Việt Nam 3.3.Không gian văn hóa Việt Nam 4.Tiến trình văn hóa Việt Nam 4.1.Lớp văn hóa bản địa 4.2.Lớp văn hóa giao lưu với Trung Hoa và khu vực 4.3.Lớp văn hóa giao lưu với phương Tây								
2	Chương II: Văn hoá nhận thức	4	0	0	0	8			
	1. Quan niệm về bản chất cấu trúc và vận hành của vũ trụ 1.1.Triết lí âm dương 1.2.Triết lí về cấu trúc không gian của vũ trụ 1.3.Triết lí về cấu trúc thời gian - lịch âm dương và hệ can chi 2.Nhận thức về con người 2.1.Nhận thức về con người tự nhiên						G1.1 G3.2 G3.3	Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Tóm tắt bài học trước khi đến lớp. Đọc tài liệu	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
	2.2.Nhận thức về con người xã hội								
3	Chương III: Văn hoá tổ chức đời sống cộng đồng	4	0	0	0	8			
	1.Tổ chức nông thôn 1.1.Gia đình và dòng tộc 1.2.Làng, xóm 1.3.Phường, hội 2.Tổ chức quốc gia 2.1.Quản lí xã hội 2.2.Truyền thống dân chủ 3.Tổ chức đô thị 3.1.Các đặc điểm của đô thị Việt Nam 3.2.Đô thị Việt Nam trong quan hệ với nông thôn						G1.1 G3.2 G3.3	Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Tóm tắt bài học trước khi đến lớp. Đọc tài liệu	
4	Chương IV: Văn hoá tổ chức đời sống cá nhân	4	0	0	0	8			
	1. Văn hóa tín ngưỡng 1.1.Tín ngưỡng phồn thực 1.2.Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên 1.3.Tín ngưỡng sùng bái con người 2. Văn hóa phong tục 2.1.Phong tục hôn						G1.1 G3.2 G3.3 G4.1	Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà:	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
	nhân 2.2.Phong tục tang ma 2.3.Phong tục lễ tết, lễ hội 3.Văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ 3.1.Các đặc trưng giao tiếp của người Việt 3.2.Các đặc trưng của nghệ thuật ngôn từ 3.Nghệ thuật thanh sắc và hình khối 3.1.Vài nét về nghệ thuật thanh sắc Việt Nam 3.2.Vài nét về nghệ thuật hình khối Việt Nam							Tóm tắt bài học trước khi đến lớp. Đọc tài liệu	
5	Chương V: Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên	4	0	0	0	8			
	1.Ẩm thực 1.1.Quan niệm về ăn uống 1.2.Nghệ thuật ẩm thực 2.Trang phục 2.1.Quan niệm về mặc 2.2.Trang phục qua các thời đại 3.Cư trú và đi lại 3.1.Nhà cửa, kiến trúc 3.2. Giao thông						G1.1 G3.2 G3.3	Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Tóm tắt bài học trước khi đến lớp. Đọc tài liệu	
6	Chương VI: Văn hóa	4	0	0	0	8			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
	<i>ứng xử với môi trường xã hội</i>								
	1.Giao lưu với Ấn Độ: Văn hoá Chăm 1.1.Nguồn gốc văn hoá Chăm 1.2.Đặc điểm văn hóa Chăm 2.Phật giáo và văn hóa Việt Nam 2.1.Nguồn gốc Phật giáo 2.2.Nội dung cơ bản học thuyết Phật Giáo 2.3.Quá trình thâm nhập và phát triển của Phật giáo ở Việt Nam 3.Nho giáo và văn hóa Việt Nam 3.1.Sự hình thành và phát triển của Nho giáo 3.2.Nội dung cơ bản của Nho giáo 3.3.Đặc điểm Nho giáo Việt Nam 4.Đạo giáo và văn hóa Việt Nam 4.1.Vài nét về Đạo giáo 4.2.Sự thâm nhập và phát triển của Đạo giáo ở Việt Nam 5.Kitô giáo và văn hóa phương Tây ở Việt Nam 5.1.Kitô giáo và sự thâm nhập, phát triển Kitô giáo ở Việt Nam						G1.1 G3.2 G3.3 G4.1	Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Tóm tắt bài học trước khi đến lớp. Đọc tài liệu	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
	5.2.Ảnh hưởng của văn hoá phương Tây đối với văn hoá Việt Nam								
7	Chương VII: Kết luận: Văn hoá Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại	3	0	0	0	6			
	1. Khái quát chung về bản sắc văn hoá Việt Nam 2. Giá trị văn hoá truyền thống 3. Giá trị văn hoá tiêu biểu 4. Văn hoá truyền thống đứng trước công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hóa						G1.1 G3.2 G3.3 G4.1	Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Yêu cầu tại lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận Yêu cầu tại nhà: Tóm tắt bài học trước khi đến lớp. Đọc tài liệu	
8	Ôn tập	3	0	0	0	6			
	Tổng	30	0	0	0	60			

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1.Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần	G3, G4	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tỷ số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10 %

	A.1.2 Bài thuyết trình	G3, G4	Hoạt động nhóm Nội dung bài thuyết trình Hình thức bài thuyết trình	Hoạt động nhóm hiệu quả. Có kế hoạch thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể. Nội dung thuyết trình đúng với chủ đề được giao Hình thức bài thuyết trình đúng yêu cầu. Thuyết trình hiệu quả	15 %
	A1.3. Bài kiểm tra	G1,G2,G4	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Theo đáp án thang điểm quy định	15%
A2. Đánh giá kết thúc	A2.1. Thi kết thúc học phần	G1,G2, G4	Bài thi trắc nghiệm	Theo đáp án thang điểm quy định	60 %

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1	Chuẩn NL (CĐR)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 10 Tỉ lệ: 16.6%</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 10 Tỉ lệ: 16.6%</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 10 Tỉ lệ: 16.6%</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 10 Tỉ lệ: 16.6%</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 10 Tỉ lệ: 16.6%</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>

				<i>1</i>	
Chương 6	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 5</i> <i>Tỉ lệ: 8.3%</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 5</i> <i>Tỉ lệ: 8.3%</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 60 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 30 Tỉ lệ: 50%	Số câu: 20 Tỉ lệ: 33.3%	Số câu: 5 Tỉ lệ: 8.3%	Số câu: 5 Tỉ lệ: 8.3%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%

P. TRƯỞNG KHOA**TRƯỞNG BỘ MÔN****GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

ThS. Phạm Thành Trung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: **NGHE - NÓI TIẾNG TRUNG QUỐC 1**
- Mã học phần: 06CQ0637
- Số tín chỉ: 4
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒				
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐		Bổ trợ ☐
		Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	60	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	140	tiết
Lý thuyết:	30	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	-	tiết
Thực hành:	0	tiết	Làm bài tập ở nhà:	-	tiết
Thảo luận / Thuyết trình:	30	tiết	Làm việc nhóm:	-	tiết
Hoạt động khác:	0	tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

- Môn học Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 1 bao gồm 10 bài
- Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng khai thác thông tin, kỹ năng khác và thói quen để sinh viên chủ động tự học tập, luyện tập

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính:

- 毛悦, 《汉语听力速成-基础篇》,北京语言大学出版社+ CD, 2010
- 路志英, 《发展汉语中级口语 (I)》, 北京语言大学出版社, 2011 年

b. Tài liệu tham khảo/bổ sung:

- Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình Hán ngữ tập 1 – quyển thượng; NXB Đại học sư phạm, phiên bản 2022. (kèm đĩa CD)
- Trần Thị Thanh Liêm, Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2004;
- Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, Sổ tay người học tiếng Hoa, Nxb. khoa học xã hội, 2012;
- Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, Khẩu ngữ thường dùng trong tiếng Hán hiện đại, Nhà xuất bản tổng hợp HCM, 2009
- Các trang web về hướng dẫn học: <http://gongfubb.com/>;
<http://www.skycn.com/soft/57544.html...>
- Các loại học liệu khác: Slides bài giảng, bài đọc, bài tập, bài đọc thêm. Tài liệu lưu hành nội bộ do giảng viên phụ trách môn học biên soạn.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G1	Nắm vững kiến thức ngữ âm tiếng Hán, có khả năng phân biệt âm và ngữ điệu, phát âm đúng, chính xác, chú ý trọng âm và biến điệu. Có khả năng diễn đạt miêu tả đặc điểm, tính chất, trạng thái của con người, sự vật, sự việc Mở rộng vốn từ vựng theo chủ đề như: làm quen, xưng hô, quê hương, danh lam thắng cảnh, làm việc, mua sắm, hoạt động ngoại khóa... Vận dụng tốt kỹ năng nghe – nói, có khả năng biểu đạt trong các tình huống giao tiếp khác nhau,...	PLO9 PLO12	3.0
G2	Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề. Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư duy khoa học, làm việc độc lập, có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi theo hướng tích cực trong nghề nghiệp. Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành.	PLO16 PLO17 PLO18	4.0 3.0 3.0
G3	Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.	PLO19 PLO20	3.0

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 1 với CĐR Chương trình đào tạo.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ Trung cho học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 1.

Học phần Nghe – Nói Tiếng Trung Quốc 1	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Trung phân nhiệm cho học phần						
	PLO4	PLO6	PLO7	PLO8	PLO16	PLO18	PLO19
Trình độ năng lực	3.0	3.0	3.0	2.0	3.0	3.0	3.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 1 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 1 đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CĐR CTĐT tương ứng
G _{1.1}	Nắm vững tiếng Trung Quốc đạt trình độ năng lực Hán ngữ (HSK) cấp 1 theo Khung năng lực tiếng Hán 6 bậc kỹ năng Nghe, Nói.	3.0	PLO4
G _{1.2}	Nâng cao kiến thức ngữ âm tiếng Hán, và khả năng phân biệt âm và ngữ điệu, nói lưu loát và phát âm chuẩn, đọc đúng ngữ âm, ngữ điệu theo các chủ đề bài học.	3.0	PLO7
G _{2.1}	Xác định chuẩn xác các hiện tượng ngữ pháp được học.	2.0	PLO8
G _{2.2}	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp để giao tiếp và làm các bài tập có liên quan.	2.0	PLO6
G _{3.1}	Sử dụng thành thạo cả bốn kỹ năng Nghe-nói tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 1	3.0	PLO16
G _{3.2}	Vận dụng dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	3.0	PLO18
G _{4.1}	Hình thành nhận thức được tầm quan trọng của học phần cũng như lượng kiến thức và kỹ năng được cung cấp và rèn luyện trong quá trình tham gia học tập.	3.0	PLO19

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G4.2	Phát triển các kỹ năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong khi giải quyết các vấn đề của học phần thông qua các hoạt động cá nhân và đội nhóm.	3.0	PLO19

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Giới thiệu học phần Thảo luận các chi tiết của học phần Bài 1: 买东西 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4 5. Bài tập	2	0	0	2	8	G1.1 G1.2 G1.4	Chuẩn bị bài dạy và bài học phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 棒棒糖、矿泉水、打折、款式、收银台、讨价还价 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 一点二也不、、、不是、、、吗？ - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
2	Bài 2: 看病 1. Từ mới 2. Bài nghe 1	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học theo phương pháp thuyết	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4							trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 看病、请假、拉肚 子、内科、咳嗽、 打针、化验 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 还没,,,呢、 ,,,就行了 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
3	Bài 3: 去餐厅 吃饭 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8	G1.1 G3.2 G3.3	Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về cách dùng của— 国产、鸡尾酒、稍 、海鲜、家常菜、 风味 打针、化验 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								mẫu câu, cấu trúc: — 正,,,呢 —还是……吧 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏiĐọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
4	Ôn tập kiến thức	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học Thực hành Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
5	Bài 4: 问路 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8	G1.1 G3.2 G3.3	Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 劳驾、拐弯 儿、对 面、调头、终点站 、迷路 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 可是、对 ...来说、 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
6	Bài 5: 旅游 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8	G1.1 G3.2 G3.3	Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 导游、游览、安排 、计划、景点 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 趁、反正、 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
7	Ôn tập kiến thức	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học Thực hành Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
8	Bài 6: 谈学习 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 期中、期末、阅读、速度、提高、辅导、报名、再说 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 越 A 越 B、就是“”也“” - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
9	Bài 7: 家庭 +KTGHP 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 退休、放假、邀请、家务、矛盾、保姆 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 是,,,而不是、只要,,,就,,, - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
10	Ôn tập kiến thức	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Thực hành Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
11	Bài 8: 第一天 (Phần nói)	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống —ngày đầu tiên - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề —ngày đầu tiên Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
12	Ôn tập, thực hành nghe – nói	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học Thực hành Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
13	Bài 9: 入郷	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống — nhập gia tùy tục - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề — nhập gia tùy tục Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
14	Bài 10: 家乡 1. Ngữ âm: Biến điệu của 3 thanh ba đi liền nhau 2. Từ mới: 3. Bài khóa: 我换人民币 4. Bài tập	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống —quê hương - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề —quê hương . Sử dụng phương pháp chốt kiến thức bằng câu đối: sử dụng các câu hỏi nhanh, tổng kết nội dung của bài. Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
15	Ôn tập, thực hành nghe –nói	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học Thực hành Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
	Tổng	30	0	0	30	140			

7.ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMB

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Điểm Chuyên cần	G3, G4	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị báo và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Thuyết trình nhóm	G2.1 G2.2	<u>Kiến thức</u> : cấu trúc câu tương đương, thuật ngữ chuyên ngành, <u>Kỹ năng</u> : trình bày nội dung, soạn slides, dịch Trung Việt, Việt Trung <u>Thái độ</u> : độc lập suy nghĩ	Nội dung rõ ràng. Cấu trúc câu đúng văn phạm, nội dung tương đương. Phương pháp thuyết trình phù hợp	15%
	A2.2. Thi giữa kỳ	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các cấu trúc tương đương, nội dung dịch thuật phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đúng chuyên ngành <u>Kỹ năng</u> : viết và biên dịch Trung Việt, Việt Trung, sử dụng từ điển thích hợp <u>Thái độ</u> : tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh	15%
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Thi kết thúc học phần	G6.1, G6.2, G6.3	<u>Kiến thức</u> : các cấu trúc tương đương, nội dung dịch thuật phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đúng chuyên ngành <u>Kỹ năng</u> : viết và biên dịch Trung Việt, Việt Trung, sử dụng từ điển thích hợp <u>Thái độ</u> : tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh	60%

8.MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Câu 1	Chuẩn NL (CĐR)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 2	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 3	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 4	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 5	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0 %

P.TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC CTĐT

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ThS. Phạm Thành Trung

TS. Phạm Ngọc Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: **NGHE - NÓI TIẾNG TRUNG QUỐC 2**
- Mã học phần: 06CQ0638
- Số tín chỉ: 4
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒				
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐		Bổ trợ ☐
		Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	60	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	140	tiết
Lý thuyết:	30	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	-	tiết
Thực hành:	0	tiết	Làm bài tập ở nhà:	-	tiết
Thảo luận / Thuyết trình:	30	tiết	Làm việc nhóm:	-	tiết
Hoạt động khác:	0	tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

- Môn học Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 2 bao gồm 12 bài
- Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng khai thác thông tin, kỹ năng khác và thói quen để sinh viên chủ động tự học tập, luyện tập

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- a. Tài liệu/giáo trình chính:

-毛悦, 《汉语听力速成-基础篇》,北京语言大学出版社+ CD, 2010

- 路志英, 《发展汉语中级口语 (I)》, 北京语言大学出版社, 2011 年

b. Tài liệu tham khảo/bổ sung:

- Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình Hán ngữ tập 1 – quyển thượng; NXB Đại học sư phạm, phiên bản 2022. (kèm đĩa CD)

- Trần Thị Thanh Liêm, Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2004;

- Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, Khẩu ngữ thường dùng trong tiếng Hán hiện đại, Nhà xuất bản tổng hợp HCM, 2009

- Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, Sổ tay người học tiếng Hoa, Nxb. khoa học xã hội, 2012;

- Các trang web về hướng dẫn học: <http://gongfubb.com/>,
<http://www.skycn.com/soft/57544.html>...

- Các loại học liệu khác: Slides bài giảng, bài đọc, bài tập, bài đọc thêm. Tài liệu lưu hành nội bộ do giảng viên phụ trách môn học biên soạn.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G1	Nắm vững kiến thức ngữ âm, ngữ điệu tiếng Hán, phát âm đúng, chính xác, bổ sung vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp theo chủ đề bài học nhằm vận dụng vào diễn đạt lưu loát bằng khẩu ngữ tiếng Trung Quốc trong các phương diện khai thác thông tin, so sánh, thuyết phục, dự đoán, khẳng định, phủ định, phản đối Vận dụng tốt kỹ năng nghe – nói, có khả năng biểu đạt trong các tình huống giao tiếp khác nhau,...	PLO9 PLO12	3.0
G2	Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề. Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư duy khoa học, làm việc độc lập, có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi theo hướng tích cực trong nghề nghiệp. Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành.	PLO16 PLO17 PLO18	4.0 3.0 3.0
G3	Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.	PLO19 PLO20	3.0

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 2

với CDR Chương trình đào tạo.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ Trung cho học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 2.

Học phần Nghe – Nói Tiếng Trung Quốc 2	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Trung phân nhiệm cho học phần						
	PLO4	PLO6	PLO7	PLO8	PLO16	PLO18	PLO19
Trình độ năng lực	3.0	3.0	3.0	2.0	3.0	3.0	3.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 2 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 2 đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G _{1.1}	Nắm vững tiếng Trung Quốc đạt trình độ năng lực Hán ngữ (HSK) cấp 2 theo Khung năng lực tiếng Hán 6 bậc kỹ năng Nghe, Nói.	3.0	PLO4
G _{1.2}	Nâng cao kiến thức ngữ âm tiếng Hán, và khả năng phân biệt âm và ngữ điệu, nói lưu loát và phát âm chuẩn, đọc đúng ngữ âm, ngữ điệu theo các chủ đề bài học.	3.0	PLO7
G _{2.1}	Xác định chuẩn xác các hiện tượng ngữ pháp được học.	2.0	PLO8
G _{2.2}	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp để giao tiếp và làm các bài tập có liên quan.	2.0	PLO6
G _{3.1}	Sử dụng thành thạo kỹ năng Nghe-nói tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 2	3.0	PLO16
G _{3.2}	Vận dụng dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	3.0	PLO18
G _{4.1}	Hình thành nhận thức được tầm quan trọng của học phần cũng như lượng kiến thức và kỹ năng được cung cấp và rèn luyện trong quá trình tham gia học tập.	3.0	PLO19
G _{4.2}	Phát triển các kỹ năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong khi giải quyết các vấn đề của học phần thông qua các hoạt động cá nhân và đội nhóm.	3.0	PLO19

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Giới thiệu học phần Thảo luận các chi tiết của học phần Bài 1: 社会问题 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8	G1.1 G1.2 G1.4	Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 一政府、改造、遵守、规则、解决、适应、培养,,, và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 一还,,,呢 一怎么,,,呢 “连,,,也/都,,,”? - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
2	Bài 2: 天气季节 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 短袖、衬衫、恐怕、外套、干燥、暖气、湿润、才 và bài nghe	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 宁愿..., 也..., 够..., 的... - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
3	Bài 3: 谈计划 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8	G1.1 G3.2 G3.3	Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 终于、正常、实在、各奔东西、高级、享福、答应 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 哪儿/谁/什么/怎么..., 都/也+不/没..., 要不... - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
4	Ôn tập kiến thức	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học Thực hành Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
5	Bài 4: 工作 职业 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8	G1.1 G3.2 G3.3	Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 辞职、领导、无聊 、能力、面试 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: V 得/不+可 能补语、好/不好+V 、别,,,了	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
6	Bài 5: 交友 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8	G1.1 G3.2 G3.3	Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : — 性格、外向、开朗、网友、安全感、友好..... và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: — „„不就行了吗? — 谁说 “等 „„ 就„„“ - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
7	Ôn tập kiến thức	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học Thực hành Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
8	Bài 6: 看房租房 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : — 中介、租金、居室、电器、家具、押金,,, và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: — 可,,,了 — 好几,,, “,,,什么的” – Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
9	Bài 7: 解决矛盾 +KTGHP 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 一愁眉苦脸、总之、自以为是、表示、诚意..... và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 一自从...以来 一这还不简单 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
10	Bài 8: 文化 习俗 1. Từ mới	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4							- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 日历、代表、礼尚往来、成双成对、入乡随俗、人生 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 一...就是...、不好说、别提多...了 Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
11	Bài 9: 工作狂 (Phần nói)	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống « cuồng công việc »	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề « cường công việc » Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
12	Bài 10: 学校 社团	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống — câu lạc bộ trong trường học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề — câu lạc bộ trong trường học Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
13	Bài 11: 租房	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống —thuê nhà - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề —thuê nhà Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
14	Bài 12: 学习与考试	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống — học tập và thi cử - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề — học tập và thi cử Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
15	Ôn tập, thực hành nghe —nói	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học Thực hành Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
	Tổng	30	0	0	30	140			

7.ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMĐ

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Điểm Chuyên cần	G3, G4	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị báo và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Thuyết trình nhóm	G2.1 G2.2	<u>Kiến thức</u> : cấu trúc câu tương đương, thuật ngữ chuyên ngành, <u>Kỹ năng</u> : trình bày nội dung, soạn slides, dịch Trung Việt, Việt Trung <u>Thái độ</u> : độc lập suy nghĩ	Nội dung rõ ràng. Cấu trúc câu đúng văn phạm, nội dung tương đương. Phương pháp thuyết trình phù hợp	15%
	A2.2. Thi giữa kỳ	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các cấu trúc tương đương, nội dung dịch thuật phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đúng chuyên ngành <u>Kỹ năng</u> : viết và biên dịch Trung Việt, Việt Trung, sử dụng từ điển thích hợp <u>Thái độ</u> : tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh	15%
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Thi kết thúc học phần	G6.1, G6.2, G6.3	<u>Kiến thức</u> : các cấu trúc tương đương, nội dung dịch thuật phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đúng chuyên ngành <u>Kỹ năng</u> : viết và biên dịch Trung Việt, Việt Trung, sử dụng từ điển thích hợp <u>Thái độ</u> : tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh	60%

8.MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Câu 1	Chuẩn NL (CDR)	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 2	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 3	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 4	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 5	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0 %

P.TRƯỞNG KHOA**GIÁM ĐỐC CTĐT****GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN****ThS. Phạm Thành Trung****TS. Phạm Ngọc Anh**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: **NGHE - NÓI TIẾNG TRUNG QUỐC 3**
- Mã học phần: 06CQ0639
- Số tín chỉ: 4
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒				
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐		Bổ trợ ☐
		Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	60	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	140	tiết
Lý thuyết:	30	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	-	tiết
Thực hành:	0	tiết	Làm bài tập ở nhà:	-	tiết
Thảo luận / Thuyết trình:	30	tiết	Làm việc nhóm:	-	tiết
Hoạt động khác:	0	tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

- Môn học Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 3 bao gồm 12 bài
- Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng khai thác thông tin, kỹ năng khác và thói quen để sinh viên chủ động tự học tập, luyện tập

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- a. Tài liệu/giáo trình chính:

-毛悦, 《汉语听力速成-基础篇》,北京语言大学出版社+ CD, 2010

- 路志英, 《发展汉语中级口语 (I)》, 北京语言大学出版社, 2011 年

b. Tài liệu tham khảo/bổ sung:

- Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình Hán ngữ tập 1 – quyển thượng; NXB Đại học sư phạm, phiên bản 2022. (kèm đĩa CD)

- Trần Thị Thanh Liêm, Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2004;

- Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, Khẩu ngữ thường dùng trong tiếng Hán hiện đại, Nhà xuất bản tổng hợp HCM, 2009

- Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, Sổ tay người học tiếng Hoa, Nxb. khoa học xã hội, 2012;

- Các trang web về hướng dẫn học: <http://gongfubb.com/>,
<http://www.skycn.com/soft/57544.html>...

- Các loại học liệu khác: Slides bài giảng, bài đọc, bài tập, bài đọc thêm. Tài liệu lưu hành nội bộ do giảng viên phụ trách môn học biên soạn.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G1	Nắm vững kiến thức ngữ âm, ngữ điệu tiếng Hán, có khả năng phân biệt âm và ngữ điệu, đọc đúng ngữ âm, ngữ điệu nói lưu loát và phát âm chuẩn, bổ sung vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp theo chủ đề bài học nhằm vận dụng vào diễn đạt lưu loát bằng khẩu ngữ tiếng Trung Quốc trong các phương diện khai thác thông tin, so sánh, thuyết phục, dự đoán, khẳng định, phủ định, phản đối Vận dụng tốt kỹ năng nghe – nói, có khả năng biểu đạt trong các tình huống giao tiếp khác nhau,...	PLO9 PLO12	3.0
G2	Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề. Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư duy khoa học, làm việc độc lập, có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi theo hướng tích cực trong nghề nghiệp. Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành.	PLO16 PLO17 PLO18	4.0 3.0 3.0
G3	Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.	PLO19 PLO20	3.0

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 3 với CDR Chương trình đào tạo.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ Trung cho học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 3.

Học phần Nghe-Nói Tiếng Trung Quốc 3	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Trung phân nhiệm cho học phần						
	PLO4	PLO5	PLO6	PLO8	PLO16	PLO18	PLO19
Trình độ năng lực	3.0	3.0	3.0	2.0	3.0	3.0	3.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 3 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 3 đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G _{1.1}	Nắm vững tiếng Trung Quốc đạt trình độ năng lực Hán ngữ (HSK) cấp 3 theo Khung năng lực tiếng Hán 6 bậc kỹ năng Nghe, Nói.	3.0	PLO4
G _{1.2}	Nâng cao kiến thức tiếng Trung Quốc để viết về các nội dung: giới thiệu bản thân, nhìn tranh kể chuyện, mở rộng phát triển câu truyện, viết thông báo, thư mời, thư tín cơ bản và thư tín xã hội..	3.0	PLO5
G _{2.1}	Sử dụng thành thạo kỹ năng nghe tiếng Hán, kỹ năng nói giao tiếp cơ bản, thông dụng trong cuộc sống hàng ngày	2.0	PLO8
G _{2.2}	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp để giao tiếp và làm các bài tập có liên quan.	2.0	PLO6
G _{3.1}	Sử dụng thành thạo kỹ năng Nghe - Nói tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 3	3.0	PLO16
G _{3.2}	Vận dụng dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	3.0	PLO18
G _{4.1}	Hình thành nhận thức được tầm quan trọng của học phần cũng như lượng kiến thức và kỹ năng được cung cấp và rèn luyện trong quá trình tham gia học tập.	3.0	PLO19

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G4.2	Phát triển các kỹ năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong khi giải quyết các vấn đề của học phần thông qua các hoạt động cá nhân và đội nhóm.	3.0	PLO19

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
1	Giới thiệu học phần Thảo luận các chi tiết của học phần Bài 1: 校园生活 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8	G1.1 G1.2 G1.4	Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 开阔眼界、体会、演讲.....、 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 那要看.....了、这样一来 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
2	Bài 2: 饮食 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 一开铁板牛 肉、香菇菜心、 荤、素、主食、 学以致用.....Ivà bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 一,..., 什么,..., 什么I 、一,..., 吧, ..., 吧 I“V+起来,...,”“听,... 的” - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
3	Bài 3: 交通状 况 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8	G1.1 G3.2 G3.3	Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 堵车、污染、高峰、拐、不见得 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 有 的好处、早知道....., 真不如..... - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
4	Ôn tập kiến thức	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học Thực hành Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
5	Bài 4: 婚姻与 家庭 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8	G1.1 G3.2 G3.3	Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 一恭喜、对 象、婚纱、礼服 、一窍不通、跟 上、分 担.....và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 一别提了I、一干 脆I、一对,,,熟 悉I 、“无论,,,都,,,” - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
6	Bài 5: 体育运动 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8	G1.1 G3.2 G3.3	Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 届、决赛、击败... và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: A 以 失利 、对 着迷 、..... 真不简单 、..... 对..... 有影响 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
7	Ôn tập kiến thức	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học Thực hành Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
8	Bài 6: 参观旅游 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 一举两得、举世闻名、赠给、享有、声誉、各有所长、美中不足..... và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 说的也是I、一是..., 二是...、随	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								着、前者..., 后者... – Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
9	Bài 7: 疾病与 治疗 +KTGHP 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 失眠、干扰、良好、记忆力、症状、脉搏、流感、缺少、患者..... và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 一要不然!、一由	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								...引起I、—受... 欢迎I、—不得不 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
10	Bài 8: 职业与 工作 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 人选、求 职、职位、招聘 、业务..... và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc:目的是为了、以便、引 起.....的注	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
11	Bài 9: 勤工 俭学 (Phần nói)	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống Vừa học vừa làm. - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề Vừa học vừa làm. Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
12	Bài 10: 旅游	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống du lịch - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								nội dung bài học luyện thực hành hội thoại theo chủ đề du lịch - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
13	Bài 21: 租房	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống —thuê nhà - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								trả lời câu hỏi theo nội dung bài học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề —thuê nhảl Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
14	Ôn tập kiến thức	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học Thực hành Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
15	Ôn tập, thực hành nghe –nói	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học Thực hành Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
	Tổng	30	0	0	30	14 0			

7.ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMB

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Điểm Chuyên cần	G3, G4	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị báo và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Thuyết trình nhóm	G2.1 G2.2	<u>Kiến thức</u> : cấu trúc câu tương đương, thuật ngữ chuyên ngành, <u>Kỹ năng</u> : trình bày nội dung, soạn slides, dịch Trung Việt, Việt Trung <u>Thái độ</u> : độc lập suy nghĩ	Nội dung rõ ràng. Cấu trúc câu đúng văn phạm, nội dung tương đương. Phương pháp thuyết trình phù hợp	15%
	A2.2. Thi giữa kỳ	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các cấu trúc tương đương, nội dung dịch thuật phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đúng chuyên ngành <u>Kỹ năng</u> : viết và biên dịch Trung Việt, Việt Trung, sử dụng từ điển thích hợp <u>Thái độ</u> : tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh	15%
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Thi kết thúc học phần	G6.1, G6.2, G6.3	<u>Kiến thức</u> : các cấu trúc tương đương, nội dung dịch thuật phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đúng chuyên ngành <u>Kỹ năng</u> : viết và biên dịch Trung Việt, Việt Trung, sử dụng từ điển thích hợp <u>Thái độ</u> : tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh	60%

8.MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Câu 1	Chuẩn NL (CDR)	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 2	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 3	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 4	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 5	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0 %

P.TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC CTĐT

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ThS. Phạm Thành Trung

TS. Phạm Ngọc Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: **NGHE - NÓI TIẾNG TRUNG QUỐC 4**
- Mã học phần: 06CQ0640
- Số tín chỉ: 4
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒				
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐		Bổ trợ ☐
		Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	60	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	140	tiết
Lý thuyết:	30	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	-	tiết
Thực hành:	0	tiết	Làm bài tập ở nhà:	-	tiết
Thảo luận / Thuyết trình:	30	tiết	Làm việc nhóm:	-	tiết
Hoạt động khác:	0	tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

- Môn học Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 4 bao gồm 12 bài
- Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng khai thác thông tin, kỹ năng khác và thói quen để sinh viên chủ động tự học tập, luyện tập

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- a. Tài liệu/giáo trình chính:

-毛悦, 《汉语听力速成-基础篇》,北京语言大学出版社+ CD, 2010

- 路志英, 《发展汉语中级口语 (I)》, 北京语言大学出版社, 2011 年
- 章纪孝, 《高级汉语口语》, 北京语音学院出版社, 1994

b. Tài liệu tham khảo/bổ sung:

- Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình Hán ngữ; NXB Đại học sư phạm, phiên bản 2022. (kèm đĩa CD)
- Trần Thị Thanh Liêm, Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2004
- Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, Khẩu ngữ thường dùng trong tiếng Hán hiện đại, Nhà xuất bản tổng hợp HCM, 2009
- Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, Sổ tay người học tiếng Hoa, Nxb. khoa học xã hội, 2012
- 李金如, 《汉语口语大全》, 华语教学出版社, 2017
- 马箭飞, 《汉语口语速成 (中级篇)》, 北京语言文化大学出版社, 2015
- Các trang web về hướng dẫn học: <http://gongfubb.com/>;
<http://www.skycn.com/soft/57544.html>...
- Các loại học liệu khác: Slides bài giảng, bài đọc, bài tập, bài đọc thêm. Tài liệu lưu hành nội bộ do giảng viên phụ trách môn học biên soạn.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G1	Nắm vững kiến thức ngữ âm, ngữ điệu tiếng Hán, nghe nhanh, có khả năng nắm bắt chọn lọc được các từ then chốt của bài nghe, dịch nhanh, đúng, chính xác các nội dung bài nghe, nói lưu loát và phát âm chuẩn, chú ý trọng âm và biến điệu, bổ sung vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp theo chủ đề bài học nhằm vận dụng vào diễn đạt lưu loát bằng khẩu ngữ tiếng Trung Quốc trong các phương diện khai thác thông tin, so sánh, thuyết phục, dự đoán, khẳng định, phủ định, phản đối. Vận dụng tốt kỹ năng nghe – nói, có khả năng biểu đạt trong các tình huống giao tiếp và chủ đề khác nhau.	PLO9 PLO12	3.0
G2	Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề. Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư duy khoa học, làm việc độc lập, có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi theo hướng tích cực trong nghề nghiệp. Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ	PLO16 PLO17 PLO18	4.0 3.0 3.0

	thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành.		
G3	Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.	PLO19 PLO20	3.0

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 4 với CDR Chương trình đào tạo.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ Trung cho học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 4.

Học phần Nghe-Nói Tiếng Trung Quốc 4	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Trung phân nhiệm cho học phần						
	PLO4	PLO5	PLO6	PLO8	PLO16	PLO18	PLO19
Trình độ năng lực	3.0	3.0	3.0	2.0	3.0	3.0	3.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 4 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 4 đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G _{1.1}	Nắm vững tiếng Trung Quốc đạt trình độ năng lực Hán ngữ (HSK) cấp 5 theo Khung năng lực tiếng Hán 6 bậc kỹ năng Nghe, Nói.	3.0	PLO4
G _{1.2}	Nâng cao kiến thức tiếng Trung Quốc để viết về các nội dung: giới thiệu bản thân, nhìn tranh kể chuyện, mở rộng phát triển câu chuyện, viết thông báo, thư mời, thư tín cơ bản và thư tín xã hội..	3.0	PLO5
G _{2.1}	Sử dụng thành thạo kỹ năng nghe tiếng Hán, kỹ năng giao tiếp cơ bản, thông dụng trong cuộc sống hàng ngày	2.0	PLO8
G _{2.2}	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp để sử dụng giao tiếp và làm các bài tập có liên quan.	2.0	PLO6
G _{3.1}	Sử dụng thành thạo kỹ năng Nghe-nói tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 5	3.0	PLO16

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G _{3.2}	Vận dụng dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	3.0	PLO18
G _{4.1}	Hình thành nhận thức được tầm quan trọng của học phần cũng như lượng kiến thức và kỹ năng được cung cấp và rèn luyện trong quá trình tham gia học tập.	3.0	PLO19
G _{4.2}	Phát triển các kỹ năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong khi giải quyết các vấn đề của học phần thông qua các hoạt động cá nhân và đội nhóm.	3.0	PLO19

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
1	Giới thiệu học phần Thảo luận các chi tiết của học phần Bài 1: 健康 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8	G1.1 G1.2 G1.4	Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 一清新、根据、氧气、二氧化碳、生物钟、安宁、促进、心理学家、力不从心..... và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc:着呢I、不仅,, 还(而且)、、反正I、把,,分为 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
2	Bài 2: 谈网 络 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 网瘾、下 载、无线、随时 随地、特别是...và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 关键是.....、随 时随地、通过、 以至于..... - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
3	Bài 3: 风俗 与 禁忌 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8	G1.1 G3.2 G3.3	Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 传统、泼水节、吉祥、少数民族、纪念、感恩..... và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 舍不得I、跟/和/与... 恰恰相反I、从...角度来讲I、对...而言I、按...来说 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								Đọc bài trước khi đến lớp Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
4	Bài 4: 自然 与环境 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8	G1.1 G3.2 G3.3	Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 关注、融化、灾害、废水、污水... và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc:以来、与息息相关、再加上.....、从做起 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
5	Bài 5: 现代生活 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8	G1.1 G3.2 G3.3	Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 固定、稳定、养生、健身器械、持之以恒.....và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 再怎么, 考虑到 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
6	Bài 6: 科学与迷信	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
	1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4							- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 财运、路畅通、转运、运势、巧合、风水、所谓.....và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 干吗不,,,呢?、说得过去、 “对...有研究”、“所谓,,, , 就是,,,” – Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
7	Bài 7: 影视 娱乐 +KTGHP 1. Từ mới	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
	2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4							- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng 古装剧、悠久、号召力、挑刺、宣传片、开幕式、爱屋及乌..... và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc 冲着,,, (来/去的) I、居然I、“何必” - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
8	Bài 8: 外出旅游 1. Từ mới	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
	2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4							- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 规模、体系、资源、视而不见.....và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 视而不见.....、.....不说、少于.....、不得已、被.....所.....、如此 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
9	Bài 9: 吃的学 问 1. Từ mới 2. Bài nghe 1	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
	3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4							thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 贡献、文献、清香扑鼻、调料、八大菜系、富于变化、抽油烟机 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 根据.....记载、以.....著称、以.....命名, 真不如..... - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
10	Bài 10: 我们夫妇之间 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 金婚、秘诀、宽容、冤家、秋高气爽、拟定	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								、融洽、沟通và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 算、其实I、连... 都... - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
11	Bài 11: 长大成人 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 面临、应试教育、自尊心 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 承受.....、多少、把.....称为、由.....引起、.....跟.....成正比/反比 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
12	Bài 12: 最难忘的 (Phần nói)	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống Điều khó quên nhất	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								- Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề Điều khó quên nhất. Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
13	Bài 13: 话题: 家庭与社会 课文: 北京胡同里的家庭	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành tình	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								huống theo chủ đề Gia đình và xã hội - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề Gia đình và xã hội Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
14	Bài 14: 话题：说婚姻 课文：当代女性 的婚恋观	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học - Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống Chuyện hôn nhân - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề Chuyện hôn nhân Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
15	Bài 15: 话题: 怎样教育孩子 课文: 父母该不该打孩子。	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành tình huống theo Giáo dục con cái - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề Giáo dục con cái Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
	Tổng	30	0	0	30	14 0			

7.ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMĐ

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Điểm Chuyên cần	G3, G4	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị báo và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tỷ số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Thuyết trình nhóm	G2.1 G2.2	<u>Kiến thức</u> : cấu trúc câu tương đương, thuật ngữ chuyên ngành, <u>Kỹ năng</u> : trình bày nội dung, soạn slides, dịch Trung Việt, Việt Trung <u>Thái độ</u> : độc lập suy nghĩ	Nội dung rõ ràng. Cấu trúc câu đúng văn phạm, nội dung tương đương. Phương pháp thuyết trình phù hợp	15%
	A2.2. Thi giữa kỳ	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các cấu trúc tương đương, nội dung dịch thuật phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đúng chuyên ngành <u>Kỹ năng</u> : viết và biên dịch Trung Việt, Việt Trung, sử dụng từ điển thích hợp <u>Thái độ</u> : tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh	15%
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Thi kết thúc học phần	G6.1, G6.2, G6.3	<u>Kiến thức</u> : các cấu trúc tương đương, nội dung dịch thuật phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đúng chuyên ngành <u>Kỹ năng</u> : viết và biên dịch Trung Việt, Việt Trung, sử dụng từ điển thích hợp <u>Thái độ</u> : tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh	60%

8.MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Câu 1	Chuẩn NL (CDR)	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 2	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 3	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 4	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 5	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0 %

P.TRƯỞNG KHOA**GIÁM ĐỐC CTĐT****GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN****ThS. Phạm Thành Trung****TS. Phạm Ngọc Anh**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: **NGHE - NÓI TIẾNG TRUNG QUỐC 5**
- Mã học phần: 06CQ0641
- Số tín chỉ: 4
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒				
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐		Bổ trợ ☐
		Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	60	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	140	tiết
Lý thuyết:	30	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	-	tiết
Thực hành:	0	tiết	Làm bài tập ở nhà:	-	tiết
Thảo luận / Thuyết trình:	30	tiết	Làm việc nhóm:	-	tiết
Hoạt động khác:	0	tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

- Môn học Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 5 bao gồm 12 bài
- Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng khai thác thông tin, kỹ năng khác và thói quen để sinh viên chủ động tự học tập, luyện tập

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- a. Tài liệu/giáo trình chính:

-毛悦, 《汉语听力速成-基础篇》,北京语言大学出版社+ CD, 2010

- 路志英, 《发展汉语中级口语 (I)》, 北京语言大学出版社, 2011 年
- 章纪孝, 《高级汉语口语》, 北京语音学院出版社, 1994

b. Tài liệu tham khảo/bổ sung:

- Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình Hán ngữ; NXB Đại học sư phạm, phiên bản 2022. (kèm đĩa CD)
- Trần Thị Thanh Liêm, Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2004
- Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, Khẩu ngữ thường dùng trong tiếng Hán hiện đại, Nhà xuất bản tổng hợp HCM, 2009
- Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, Sổ tay người học tiếng Hoa, Nxb. khoa học xã hội, 2012
- 李金如, 《汉语口语大全》, 华语教学出版社, 2017
- 马箭飞, 《汉语口语速成 (中级篇)》, 北京语言文化大学出版社, 2015
- Các trang web về hướng dẫn học: <http://gongfubb.com/>;
<http://www.skycn.com/soft/57544.html>...
- Các loại học liệu khác: Slides bài giảng, bài đọc, bài tập, bài đọc thêm. Tài liệu lưu hành nội bộ do giảng viên phụ trách môn học biên soạn.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Nắm vững kiến thức ngữ âm, ngữ điệu tiếng Hán, nghe nhanh, có khả năng nắm bắt chọn lọc được các từ then chốt của bài nghe, dịch nhanh, đúng, chính xác các nội dung bài nghe, nói lưu loát và phát âm chuẩn, bổ sung vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp theo chủ đề bài học nhằm vận dụng vào diễn đạt lưu loát bằng khẩu ngữ tiếng Trung Quốc trong các phương diện khai thác thông tin, so sánh, thuyết phục, dự đoán, khẳng định, phủ định, phản đối. Vận dụng tốt kỹ năng nghe – nói, có khả năng biểu đạt trong các tình huống giao tiếp và chủ đề khác nhau.	PLO9 PLO12	3.0
G ₂	Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề. Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư duy khoa học, làm việc độc lập, có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi theo hướng tích cực trong nghề nghiệp. Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành.	PLO16 PLO17 PLO18	4.0 3.0 3.0

G3	Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.	PLO19	3.0
		PLO20	

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 5 với CDR Chương trình đào tạo.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ Trung cho học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 5.

Học phần Nghe-Nói Tiếng Trung Quốc 5	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Trung phân nhiệm cho học phần						
	PLO4	PLO5	PLO6	PLO8	PLO16	PLO18	PLO19
Trình độ năng lực	3.0	3.0	3.0	2.0	3.0	3.0	3.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 5 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Nghe - Nói Tiếng Trung Quốc 5 đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G _{1.1}	Nắm vững tiếng Trung Quốc đạt trình độ năng lực Hán ngữ (HSK) cấp 5 theo Khung năng lực tiếng Hán 6 bậc kỹ năng Nghe, Nói.	3.0	PLO4
G _{1.2}	Nâng cao kiến thức tiếng Trung Quốc để viết về các nội dung theo các chủ đề về đời sống, công việc, thương mại.....	3.0	PLO5
G _{2.1}	Sử dụng thành thạo kỹ năng nghe tiếng Hán, kỹ năng nói giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày, trong công việc	2.0	PLO8
G _{2.2}	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp để sử dụng nghe nói giao tiếp và làm các bài tập có liên quan.	2.0	PLO6
G _{3.1}	Sử dụng thành thạo kỹ năng Nghe-nói tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 5.	3.0	PLO16
G _{3.2}	Vận dụng dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	3.0	PLO18

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G4.1	Hình thành nhận thức được tầm quan trọng của học phần cũng như lượng kiến thức và kỹ năng được cung cấp và rèn luyện trong quá trình tham gia học tập.	3.0	PLO19
G4.2	Phát triển các kỹ năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong khi giải quyết các vấn đề của học phần thông qua các hoạt động cá nhân và đội nhóm.	3.0	PLO19

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
1	Giới thiệu học phần Thảo luận các chi tiết của học phần Bài 1: 律师 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8	G1.1 G1.2 G1.4	Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 脑海、刑事、房地产、金融、诉讼、领域、正义、打抱不平、诈骗、辩护.....và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 由....., 给.....以.....一 V 再 V, 相当于, 被.....所接受 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
2	Bài 2: 电脑与网络 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 幅度、揭晓、网络 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 自动化、由V、给以.....、一V再V、相当于、被所接受 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
3	Bài 3: 医生与病 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 精力不济、正视、患者、剖腹产 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 并发症.....、继.....之后、处于.....、尽管.....还是.....、跟.....打交道 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
4	Bài 4: 球迷侃球 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 一决赛、资格、起源、器材、刻骨铭心、舆论、煽风点火、飞跃、素养、有勇无谋、借鸡下蛋、荣辱兴衰.....và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 以...为...、时不时I、不失为、一V就是I、“尚未” Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
5	Bài 5: 农民 信科学 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 精力不济、正视、患者、剖腹产 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 并发症.....、继.....之后、处于、尽管.....还是.....、跟.....打交道 Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
6	Bài 6: 工人 有技术 1. Từ mới							Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
	2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4							thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 一统计、能供巧匠、如雷贯耳、绝活、抢救、身怀绝技、断档、缓冲、装置、光荣.....I và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 一即使,,,,再,,,,也,,,,I、一据,,,,统计I、一比不上I、一一大批I、“考虑到” Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
7	Bài 7: 假如 我中奖了 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4							Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 畏惧、情绪、收益、筹集、渠道、弱势群体、救助、茶余饭	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								后、无忧无虑、 擦肩而过.....và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 从某个角度说/看 ...,I...,和...,是 两回 事不见得 Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
8	Bài 8: 气候 变暖 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 二氧化碳、 灾难、能 源 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc:	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								极端.....、由于而 V、进一 步 V、在.....中 Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
9	Bài 9: 奥运会志愿者 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 追溯、组委 会、无私、尽其 所能、踊跃、甘 愿、致敬、时过 境迁..... và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 七成以上I、为的 就是,,,I、值得一 提的是,... Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
10	Bài 10: 城市 交通 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 轨道、拓宽、密度 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 主干道……、而、对……而言、对……有所 V、在……的前提下 Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
10	Bài 10: Phần nói 话题：理想的恋人什么样 课文：男女青年谈理想的恋人 期中考试	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tinh hướng: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tinh hướng tương tự và thực hành tinh hướng theo chủ đề Tình yêu lý tưởng - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề Tình yêu lý tưởng Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
11	Bài 11: 话题: 工作与休息 课文: 忙忙碌碌的星期日	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống Công việc và giải trí - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề Công việc và giải trí Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
12	Bài 12: 话题：法与普通人 课文：这事怎么办	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp giao tiếp : GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc – Dạy học theo tình huống : GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống Pháp luật và người dân - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi : GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm : Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề Pháp luật và người dân Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
13	Bài 13 话题：代沟 课文：他们想得 不一样	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống Khoảng cách thế hệ - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề Khoảng cách thế hệ Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
15	Bài 15 : 话题：环境污染 与保护 课文：我们只有 一个地球	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học - Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống Ô nhiễm và bảo vệ môi trường - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề Ô nhiễm và bảo vệ môi trường Đọc và làm bài tập	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
								Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
	Tổng	30	0	0	30	14 0			

7.ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMB

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Điểm Chuyên cần	G3, G4	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị báo và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Thuyết trình nhóm	G2.1 G2.2	<u>Kiến thức</u> : cấu trúc câu tương đương, thuật ngữ chuyên ngành, <u>Kỹ năng</u> : trình bày nội dung, soạn slides, dịch Trung Việt, Việt Trung <u>Thái độ</u> : độc lập suy nghĩ	Nội dung rõ ràng. Cấu trúc câu đúng văn phạm, nội dung tương đương. Phương pháp thuyết trình phù hợp	15%
	A2.2. Thi giữa kỳ	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các cấu trúc tương đương, nội dung dịch thuật phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đúng chuyên ngành <u>Kỹ năng</u> : viết và biên dịch Trung Việt, Việt Trung, sử dụng từ điển thích hợp <u>Thái độ</u> : tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh	15%
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Thi kết thúc học phần	G6.1, G6.2, G6.3	<u>Kiến thức</u> : các cấu trúc tương đương, nội dung dịch thuật phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đúng chuyên ngành <u>Kỹ năng</u> : viết và biên dịch Trung Việt, Việt Trung, sử dụng từ điển thích hợp <u>Thái độ</u> : tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh	60%

8.MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Câu 1	Chuẩn NL (CDR)	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 2	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 3	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 4	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 5	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0 %

P.TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC CTĐT

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ThS. Phạm Thành Trung

TS. Phạm Ngọc Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 1
- Mã học phần: 06CQ0633
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học chính quy
- Môn học tiên quyết: Không.
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Không.
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒				
		Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐	Bổ trợ ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	45	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	90	tiết
Lý thuyết:	45	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	60	tiết
Thực hành:		tiết	Làm bài tập ở nhà:	30	tiết
Thảo luận / Thuyết trình:		tiết	Làm việc nhóm:		tiết
Hoạt động khác:		tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Môn Đọc- Viết tiếng Trung 1 gồm Giáo trình Hán ngữ tập 1 là giáo trình phối hợp sử dụng với Giáo trình Phát triển Hán ngữ (quyển thứ 1). Môn học này cung cấp kiến thức chữ Hán, từ vựng, cụm từ cho người mới bắt đầu học, nắm bắt được cách viết bút thuận, biết đếm nét chữ Hán, cách nhận biết chữ Hán, đồng thời biết cách đọc, phát âm chuẩn, thuộc nghĩa của chữ Hán, mục tiêu là giúp sinh viên xây dựng mối liên hệ hình – âm – nghĩa (cách viết – cách phát âm – ý nghĩa) của chữ Hán.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính

[1] Trần Thị Thanh Liêm, Giáo trình Hán ngữ tập 1 (quyển thượng), NXB Hồng Đức, 2018

- Tài liệu tham khảo/bổ sung

[2] Trần Thị Thanh Liêm. Giáo trình phát triển Hán ngữ tổng hợp sơ cấp 1 (tập 2). NXB Hồng Đức, 2019

[3] Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục. Sổ tay người học tiếng Hoa; NXB khoa học xã hội, 2012

[4] Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa; NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2004

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Nắm vững kiến thức ngữ âm tiếng Hán, có khả năng phân biệt âm và ngữ điệu, nói lưu loát và phát âm chuẩn, đọc đúng ngữ âm, ngữ điệu các bài đọc..	PLO4 PLO7	3.0
G ₂	Nắm vững và sử dụng chuẩn xác các hiện tượng ngữ pháp được học để vận dụng đặt câu, viết đoạn văn và làm các bài tập có liên quan.	PLO6 PLO8	3.0
G ₃	Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành. Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề.	PLO16 PLO18	3.0
G ₄	Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.	PLO19	3.0

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 1 với CDR chương trình đào tạo ngành Cử nhân Ngôn ngữ Trung được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Trung cho học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 1

Học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 1	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Trung phân nhiệm cho học phần						
	PLO4	PLO6	PLO7	PLO8	PLO16	PLO18	PLO19
Trình độ năng lực	3.0	3.0	3.0	2.0	3.0	3.0	3.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Kỹ năng Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 1 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 1 đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Nắm vững tiếng Trung Quốc đạt trình độ năng lực Hán ngữ (HSK) cấp 1 theo Khung năng lực tiếng Hán 6 bậc kỹ năng Đọc, Viết.	3.0	PLO4
G1.2	Nâng cao kiến thức ngữ âm tiếng Hán, và khả năng phân biệt âm và ngữ điệu, nói lưu loát và phát âm chuẩn, đọc đúng ngữ âm, ngữ điệu theo các chủ đề bài học.	3.0	PLO7
G2.1	Xác định chuẩn xác các hiện tượng ngữ pháp được học.	2.0	PLO8
G2.2	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp đặt câu, viết đoạn văn và làm các bài tập có liên quan.	2.0	PLO6
G3.1	Sử dụng thành thạo kỹ năng đọc – viết tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 1	3.0	PLO16
G3.2	Vận dụng dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	3.0	PLO18
G4.1	Hình thành nhận thức được tầm quan trọng của học phần cũng như lượng kiến thức và kỹ năng được cung cấp và rèn luyện trong quá trình tham gia học tập.	3.0	PLO19
G4.2	Phát triển các kỹ năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong khi giải quyết các vấn đề của học phần thông qua các hoạt động cá nhân và đội nhóm.	3.0	PLO19

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Bài 1: 你好 1. Ngữ âm:	2	1	0	0	6	G1.1 G1.2	Giáo viên :	- Chuyển cần

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	+ Thanh mẫu: b, p, m, d, t, n, l, g, k, h + Vận mẫu: a, o, e, i, u, ü, ai, ei, ao, ou + Thanh điệu: Thanh 1, 2, 3, 4 và Biến điệu của thanh 3 2. Chữ Hán: + Các nét cơ bản trong chữ Hán. + Quy tắc viết chữ Hán 3. Từ mới 4. Bài khóa: Xin chào 5. Bài tập						G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	- Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	- Bài tập
2	Bài 2: 汉语不太难 1. Ngữ âm: + Vận mẫu: an, en, ang, eng, ong + Thanh điệu: Thanh nhẹ Nửa thanh 3-4 Biến điệu của thanh 3 2. Từ mới: 3. Bài khóa: Tiếng Hán không khó lắm 4. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên.	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tư học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								- Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	
3	Bài 3: 谢谢 1. Ngữ âm: Thanh mẫu: j q Vận mẫu: i, ia, ie, iao, iou (iu), ian, iang, in, ing, iong, ü, üe, üan, ün, Biến điệu của 不 (bù) 2. Từ mới: 3. Bài khóa: Cảm ơn 4. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
4	Bài 4: 你去哪儿 1. Ngữ âm: Thanh mẫu: z c s Vận mẫu: i er ua uo uai uei(ui) uan uen(un) uang ueng er hóa 2. Từ mới: 3. Bài khóa: Bạn đi đâu đấy 4. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú.	- Chuyển cần - Bài tập - Bài kiểm tra thường xuyên

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								- SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời. - Làm bài tập.	
5	Bài 5: 这是什么书 1. Ngữ âm: Thanh mẫu: zh ch sh r Vận mẫu: i 2. Từ mới: 3. Bài khóa: Đây là sách gì 4. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời. - Làm bài tập.	- Chuyển cần - Bài tập
6	Bài 6: 这是王老师 1. Ngữ âm: Ôn luyện ngữ âm 2. Từ mới: 3. Bài khóa: Đây là thầy giáo Vương 4. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên.	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								- Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	
7	Bài 7: 我学习汉语 1. Ngữ âm: Ôn luyện ngữ âm 2. Từ mới: 3. Bài khóa: 我学习汉语 4. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
8	Bài 8: 你吃什么 1. Ngữ âm: biến điệu của yi (一) 2. Từ mới: 3. Bài khóa: 你吃什么 4. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								- Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	
9	Bài 9: 苹果一斤多少钱 1. Ngữ âm: Ôn luyện ngữ âm 2. Từ mới: 3. Bài khóa: 苹果 一斤 多少钱 4. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
10	Bài 10: 我换人民币 1. Ngữ âm: Biến điệu của 3 thanh ba đi liền nhau 2. Từ mới: 3. Bài khóa: 我换人民币	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	4. Bài tập						G _{4.1} G _{4.2}	tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	
11	Bài 11: 他住哪儿? 1. Từ mới: 2. Ngữ pháp: - Thứ tự thành phần câu trong câu tiếng Hán. - Câu vị ngữ động từ. - Cách đọc các loại số 3. Bài khóa: 他住哪儿? 4. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
12	Bài 12: 你身体好吗 Kiểm tra giữa kì	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	1. Từ mới 2. Bài khóa: 你身体好吗 3. Bài tập Kiểm tra giữa kì SV làm Bài kiểm tra giữa kỳ : trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút						G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm - Giao bài kiểm tra và quan sát Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập - Làm bài kiểm tra	- Bài kiểm tra thường xuyên
13	Bài 13: 我们都是留学生 1. Ngữ âm: - Trọng âm của câu - Ngữ điệu 2. Từ mới: 3. Ngữ pháp: - Hỏi như thế nào? - Trạng ngữ - Phó từ “也” và “都” làm trạng ngữ 4. Bài khóa: 我们都是留学生 5. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định.	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								- Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	
14	Bài 14: 你在哪儿学习? 1. Ngữ âm: - Trọng âm của câu - Ngữ điệu 2. Từ mới: 3. Ngữ pháp: - Hỏi như thế nào? (1): Đại từ nghi vấn - Định ngữ và trợ từ kết cấu “的” - Giới từ “在” và “给” 4. Bài khóa: 你在哪儿学习? 5. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nếu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
15	Bài 15: 这个箱子很重 Ôn tập cuối kỳ 1. Ngữ âm: - Trọng âm - Ngữ điệu câu hỏi chính phản 2. Từ mới: 3. Ngữ pháp: - Câu vị ngữ hình dung từ - Câu hỏi chính phản - Từ tổ chữ “的” 4. Bài khóa: 这个箱子很重 5. Bài tập Ôn tập cuối kỳ	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nếu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								- Cùng cố, tổng kết lại toàn bộ các nội dung của môn học. - Giải đáp thắc mắc của SV về nội dung môn học (nếu có) Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	
	Tổng	30	15	0	0	90			

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMD (tham khảo cách trình bày)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1. Đánh giá quá trình	- Điểm chuyên cần - Tham gia phát biểu xây dựng bài - Bài kiểm tra đầu giờ - Bài tập nhóm - Bài tập cá nhân tại lớp	G_{1.1} G_{1.2} G_{2.1} G_{2.2} G_{3.1} G_{3.2} G_{4.1} G_{4.2}	Tinh chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị báo và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài Hoàn thành các bài tập được giao	20%
A2. Đánh giá giữa kỳ	Kiểm tra giữa học phần	G_{1.1} G_{1.2} G_{2.1} G_{2.2} G_{2.3} G_{3.1} G_{3.2} G_{4.1} G_{4.2}	<u>Kiến thức:</u> các cấu trúc tương đương, nội dung phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đã học <u>Kỹ năng:</u> Đọc đúng và chuẩn phát âm, viết – dịch Trung – Việt, Việt – Trung với các cấu trúc ngữ pháp, văn phong Trung Quốc – Việt Nam. <u>Thái độ:</u> tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh.	20%
A3. Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc học phần	G_{1.1} G_{1.2} G_{2.1} G_{2.2} G_{2.3} G_{3.1}	<u>Kiến thức:</u> các cấu trúc tương đương, nội dung phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đã học <u>Kỹ năng:</u> Đọc đúng và chuẩn phát âm, viết – dịch Trung – Việt, Việt – Trung với các cấu trúc ngữ pháp, văn phong Trung Quốc – Việt Nam.	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh.	60%

		G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Thái độ: tư duy độc lập, quản lý thời gian		
--	--	--	--	--	--

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Ngữ âm	Chuẩn NL (CĐR)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
Số câu: 25 Tỉ lệ: 41.7%	Số câu: 25	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Từ vựng	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
Số câu: 25 Tỉ lệ: 41.7%	Số câu: 10	Số câu: 15	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Ngữ pháp	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
Số câu: 05 Tỉ lệ: 8.3%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 5	Số câu: 0	Số câu: 0
Kỹ năng tổng hợp	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
Số câu: 05 Tỉ lệ: 8.3%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 02	Số câu: 03	Số câu: 0
Tổng số câu: 60 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 35 Tỉ lệ: 58.4%	Số câu: 15 Tỉ lệ: 25.5%	Số câu: 07 Tỉ lệ: 11.6%	Số câu: 03 Tỉ lệ: 5 %	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0 %

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC CTĐT

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 2
- Mã học phần: 06CQ0634
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học chính quy
- Môn học tiên quyết: Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 1.
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Không.
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒				
		Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐	Bổ trợ ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	45	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	90	tiết
Lý thuyết:	45	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	60	tiết
Thực hành:		tiết	Làm bài tập ở nhà:	30	tiết
Thảo luận / Thuyết trình:		tiết	Làm việc nhóm:		tiết
Hoạt động khác:		tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Môn Đọc- Viết tiếng Trung 2 gồm Giáo trình Hán ngữ tập 2 là giáo trình phối hợp sử dụng với Giáo trình Phát triển Hán ngữ (quyển thứ 2). Cùng cố kiến thức chương trình Đọc- viết 1, tiếp tục phát triển mở rộng từ vựng và các chủ đề giao tiếp trong cuộc sống. Giới thiệu hệ thống ngữ pháp cơ bản trong tiếng Hán kết hợp với những chủ đề hội thoại giao tiếp thông thường, đồng thời tăng kỹ năng nhận đọc chữ Hán theo đoạn văn ngắn..

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính

[1] Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình Hán ngữ tập 1 – quyển hạ; NXB Đại học sư phạm, 2003

- Tài liệu tham khảo/bổ sung

[2] Trần Thị Thanh Liêm. Giáo trình phát triển Hán ngữ tổng hợp sơ cấp 1 (tập 2). NXB Hồng Đức, 2019

[3] Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục. Sổ tay người học tiếng Hoa; NXB khoa học xã hội, 2012

[4] Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa; NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2004

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Nắm vững kiến thức ngữ âm tiếng Hán, có khả năng phân biệt âm và ngữ điệu, nói lưu loát và phát âm chuẩn, đọc đúng ngữ âm, ngữ điệu các bài đọc..	PLO4 PLO7	3.0
G ₂	Nắm vững và sử dụng chuẩn xác các hiện tượng ngữ pháp được học để vận dụng đặt câu, viết đoạn văn và làm các bài tập có liên quan.	PLO6 PLO8	3.0
G ₃	Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành. Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề.	PLO16 PLO18	3.0
G ₄	Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.	PLO19	3.0

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 2 với CDR chương trình đào tạo ngành Cử nhân Ngôn ngữ Trung được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Trung cho học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 2

Học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 2	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Trung phân nhiệm cho học phần						
	PLO4	PLO6	PLO7	PLO8	PLO16	PLO18	PLO19
Trình độ năng lực	3.0	3.0	3.0	2.0	3.0	3.0	3.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Kỹ năng Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 2 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 2 đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Nắm vững tiếng Trung Quốc đạt trình độ năng lực Hán ngữ (HSK) cấp 2 theo Khung năng lực tiếng Hán 6 bậc kỹ năng Đọc, Viết.	3.0	PLO4
G1.2	Nâng cao kiến thức ngữ âm tiếng Hán, và khả năng phân biệt âm và ngữ điệu, nói lưu loát và phát âm chuẩn, đọc đúng ngữ âm, ngữ điệu theo các chủ đề bài học.	3.0	PLO7
G2.1	Xác định chuẩn xác các hiện tượng ngữ pháp được học.	2.0	PLO8
G2.2	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp đặt câu, viết đoạn văn và làm các bài tập có liên quan.	2.0	PLO6
G3.1	Sử dụng thành thạo kỹ năng đọc – viết tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 2	3.0	PLO16
G3.2	Vận dụng dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	3.0	PLO18
G4.1	Hình thành nhận thức được tầm quan trọng của học phần cũng như lượng kiến thức và kỹ năng được cung cấp và rèn luyện trong quá trình tham gia học tập.	3.0	PLO19
G4.2	Phát triển các kỹ năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong khi giải quyết các vấn đề của học phần thông qua các hoạt động cá nhân và đội nhóm.	3.0	PLO19

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Bài 16: 你的车是新的还是旧的?	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2}	Giáo viên :	- Chuyển cần

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	1. Ngữ âm: - Ngữ điệu trong câu hỏi lựa chọn - Ngữ điệu trong câu tình lược 2. Từ mới: 3. Ngữ pháp: - Câu vị ngữ chủ vị - Hỏi như thế nào? - Câu hỏi lựa chọn (.....还是...?) - Hỏi như thế nào? - Câu hỏi tình lược (.....呢...?) 4. Bài khóa: 你的车是新的还是旧的? 5. Bài tập						G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	- Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	- Bài tập
2	Bài 17: 你们公司有多少职员? 1. Ngữ âm: ôn luyện ngữ âm tổng hợp. 2. Từ mới: 3. Ngữ pháp: - Câu chữ “有” - Cách đọc các con số - Hỏi số lượng “几” và “多少” 4. Bài khóa: 你们公司有多少职员? 5. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên.	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								- Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	
3	Bài 18: 我的房间 1. Ngữ âm: ôn luyện ngữ âm tổng hợp. 2. Từ mới: 3. Ngữ pháp: - Câu chữ “有” 4. Bài khóa: 我的房间 5. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
4	Bài 19: 你常去图书馆吗 3. Ngữ âm: Trọng âm câu 2. Từ mới: 3. Ngữ pháp: - Từ ngữ chỉ thời gian làm trạng ngữ - So sánh “还是” và “或者” 4. Bài khóa: 你常去图书馆吗 5. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú.	- Chuyển cần - Bài tập - Bài kiểm tra thường xuyên

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								- SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời. - Làm bài tập.	
5	Bài 20: 他在做什么? 4. Ngữ âm: ôn luyện ngữ âm tổng hợp. 2. Từ mới: 3. Ngữ pháp: - Sự tiến hành của động tác - Câu có hai tân ngữ - Hỏi phương thức của hành vi động tác “怎么” + động từ 4. Bài khóa: 他在做什么? 5. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời. - Làm bài tập.	- Chuyển cần - Bài tập
6	Bài 21: 我去邮局寄包裹 1. Ngữ âm: - Trọng âm logic 2. Từ mới 3. Ngữ pháp: - Cách biểu đạt mục đích và phương thức của hành vi động tác: Câu liên động. 4. Bài khóa: 我去邮局寄包裹 5. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên.	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								- Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	
7	Bài 22: 我看看皮大衣 1. Ngữ âm: - Trọng âm từ. - Ngữ điệu. 2. Từ mới 3. Ngữ pháp: - Động từ lấy lại. - Cấu trúc câu: 又...又... Vừa... vừa... - So sánh “一点儿” và “有（一）点儿” 4. Bài khóa: 我看看皮大衣 5. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
8	Bài 23: 你的生日是几月几号? 1. Ngữ âm: - Ngữ điệu. 2. Từ mới: 3. Ngữ pháp: - Câu vị ngữ danh từ. - Ngày, tháng, năm. - Hỏi như thế nào (6): Ngữ điệu nghi vấn	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học.	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	4. Bài khóa: 你的生日是几月几号? 5. Bài tập							- Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm - Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	
9	Bài 24: 我的学习生活 1. Từ mới 2. Bài khóa: 我的学习生活 3. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
10	Bài 25: 我们七点一刻出发 1. Ngữ âm - Quy tắc trọng âm của cụm từ chỉ số lượng và trọng âm trong câu hỏi dùng “几” 2. Từ mới	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	3. Ngữ pháp - Hỏi và biểu thị giờ. - Thứ tự biểu đạt thời gian trong tiếng Hán - Đặc điểm ngữ pháp của từ chỉ thời gian. 4. Bài khóa: 我们七点一刻出发						G _{4.1} G _{4.2}	tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	
11	Bài 26: 我打算请老师教京剧 1. Ngữ âm: ôn luyện ngữ âm 2. Từ mới 3. Ngữ pháp + 以前 và 以后 + Kết cấu “对…感兴趣” + Câu kiêm ngữ 4. Bài khóa: 这是王老师 5. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
12	Bài 27: 学校里边有邮局 1. Từ mới	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	2. Ngữ pháp + Trợ từ ngữ khí “呢” + Phương vị từ + Biểu đạt sự tồn tại + Câu hỏi dùng phó từ “多” + Giới từ “离”, “从”, “往” 3. Bài khóa: 学校里边有邮局 4. Bài tập Kiểm tra giữa kỳ SV làm Bài kiểm tra giữa kỳ : trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút						G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm - Giao bài kiểm tra và quan sát Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập - Làm bài kiểm tra	- Bài kiểm tra thường xuyên
13	Bài 28: 我想学太极拳 1. Từ mới 2. Ngữ pháp + Phó từ “再” + Kết cấu “从.....到” + Động từ năng nguyện + Câu hỏi nguyên nhân dùng “怎么” 3. Bài khóa: 我想学太极拳 4. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định.	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								- Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	
14	Bài 29: 她学得很好? 1. Từ mới 2. Ngữ pháp + Cách dùng “还可以” + Bỏ ngữ chỉ trạng thái 3. Bài khóa: 她学得很好 4. Bài tập	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
15	Bài 30: 我的同学 1. Từ mới 2. Bài khóa: 我的同学 3. Bài tập Ôn tập cuối kỳ	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các nét cơ bản trong chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán và dạy ý nghĩa, cách đọc, cách viết và cách sử dụng các từ mới tiếng Hán được học trong bài; giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong bài học. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài, hướng dẫn cách hội thoại chủ đề trên. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								- Cùng cố, tổng kết lại toàn bộ các nội dung của môn học. - Giải đáp thắc mắc của SV về nội dung môn học (nếu có) - Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	
	Tổng	30	15	0	0	90			

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMD (tham khảo cách trình bày)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1. Đánh giá quá trình	- Điểm chuyên cần - Tham gia phát biểu xây dựng bài - Bài kiểm tra đầu giờ - Bài tập nhóm - Bài tập cá nhân tại lớp	G_{1.1} G_{1.2} G_{2.1} G_{2.2} G_{3.1} G_{3.2} G_{4.1} G_{4.2}	Tinh chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị báo và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài Hoàn thành các bài tập được giao	20%
A2. Đánh giá giữa kỳ	Kiểm tra giữa học phần	G_{1.1} G_{1.2} G_{2.1} G_{2.2} G_{2.3} G_{3.1} G_{3.2} G_{4.1} G_{4.2}	<u>Kiến thức:</u> các cấu trúc tương đương, nội dung phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đã học <u>Kỹ năng:</u> Đọc đúng và chuẩn phát âm, viết – dịch Trung – Việt, Việt – Trung với các cấu trúc ngữ pháp, văn phong Trung Quốc – Việt Nam. <u>Thái độ:</u> tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh.	20%
A3. Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc học phần	G_{1.1} G_{1.2} G_{2.1} G_{2.2} G_{2.3} G_{3.1}	<u>Kiến thức:</u> các cấu trúc tương đương, nội dung phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đã học <u>Kỹ năng:</u> Đọc đúng và chuẩn phát âm, viết – dịch Trung – Việt, Việt – Trung với các cấu trúc ngữ pháp, văn phong Trung Quốc – Việt Nam.	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh.	60%

		G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Thái độ: tư duy độc lập, quản lý thời gian		
--	--	--	--	--	--

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chọn đáp án đúng (từ loại, từ vựng...)	Chuẩn NL (CĐR)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
Số câu: 25 Tỉ lệ: 50 %	Số câu: 25	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Đọc điền từ	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
Số câu: 10 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0	Số câu: 10	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Ngữ pháp	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
Số câu: 10 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 05	Số câu: 0	Số câu: 05
Đọc hiểu đoạn văn	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
Số câu: 05 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 02	Số câu: 03	Số câu: 0
Tổng số câu: 50 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 25 Tỉ lệ: 50%	Số câu: 10 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 07 Tỉ lệ: 14%	Số câu: 03 Tỉ lệ: 6 %	Số câu: 5 Tỉ lệ: 10 %

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC CTĐT

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 3
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học chính quy
- Môn học tiên quyết: Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 2.
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Không.
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒				
		Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐	Bổ trợ ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	45	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	90	tiết
Lý thuyết:	45	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	60	tiết
Thực hành:		tiết	Làm bài tập ở nhà:	30	tiết
Thảo luận / Thuyết trình:		tiết	Làm việc nhóm:		tiết
Hoạt động khác:		tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần bao gồm các nội dung chính sau:

- Hệ thống từ vựng bao gồm: bảng từ mới, phiên âm, từ loại, dịch nghĩa của từ.
- Giải thích nghĩa của từ, cấu trúc câu.
- Bài khóa luyện đọc hiểu phân tích chi tiết nội dung bài và bài tập luyện kỹ năng đọc lướt.
- Kiến thức cơ bản về cách viết, cách trình bày bố cục của các thể loại văn phục vụ cho

công việc, đời sống, giao tiếp.

Sinh viên học xong học phần này đạt được các kỹ năng tương đương trình độ tiền HSK3..

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính

[1] 周小兵, 《汉语中级阅读教程》I, 北京语言大学出版社, 2008

[2] 赵建华, 祝秉耀, 《汉语写作教程》二年级, 上篇, 北京语言大学出版社, 2015

- Tài liệu tham khảo/bổ sung

[2] 何立荣, 《留学生汉语写作进阶》, 北京大学出版社, 2003

[3] 彭志平编著, 《汉语阅读教程》第三册, 北京语言大学出版社, 2010

[4] Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa; NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2004

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Có kiến thức từ vựng phong phú theo các chủ đề, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc, hiểu ý nghĩa của các câu ngắn ngữ, thành ngữ, danh ngôn tiếng Hán trong học phần.	PLO4 PLO5	3.0
G ₂	Nắm vững kỹ năng nghe viết tiếng Trung, đọc hiểu và phân tích văn bản tiếng Trung, từ đó tổng kết được cấu trúc và các mẫu câu quan trọng.	PLO6 PLO8	3.0
G ₃	Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành. Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề.	PLO16 PLO18	3.0
G ₄	Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.	PLO19	3.0

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 3 với CDR chương trình đào tạo ngành Cử nhân Ngôn ngữ Trung được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Trung cho học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 3

Học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 3	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Trung phân nhiệm cho học phần						
	PLO4	PLO5	PLO6	PLO8	PLO16	PLO18	PLO19
Trình độ năng lực	3.0	3.0	3.0	2.0	3.0	3.0	3.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Kỹ năng Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 3 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 3 đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Nắm vững tiếng Trung Quốc đạt trình độ năng lực Hán ngữ (HSK) cấp 3 theo Khung năng lực tiếng Hán 6 bậc kỹ năng Đọc, Viết.	3.0	PLO4
G1.2	Nâng cao kiến thức tiếng Trung Quốc để viết về các nội dung: giới thiệu bản thân, nhìn tranh kể chuyện, mở rộng phát triển câu truyện, viết thông báo, thư mời, thư tín cơ bản và thư tín xã hội..	3.0	PLO5
G2.1	Sử dụng thành thạo kỹ năng đọc tiếng Hán, kỹ năng viết các văn bản cơ bản, thông dụng trong cuộc sống hàng ngày, cách viết một đoạn văn kể chuyện.	2.0	PLO8
G2.2	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp đặt câu, viết đoạn văn và làm các bài tập có liên quan.	2.0	PLO6
G3.1	Sử dụng thành thạo kỹ năng đọc – viết tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 3	3.0	PLO16
G3.2	Vận dụng dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	3.0	PLO18
G4.1	Hình thành nhận thức được tầm quan trọng của học phần cũng như lượng kiến thức và kỹ năng được cung cấp và rèn luyện trong quá trình tham gia học tập.	3.0	PLO19
G4.2	Phát triển các kỹ năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong khi giải quyết các vấn đề của học phần thông qua các hoạt động cá nhân và đội nhóm.	3.0	PLO19

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Kỹ năng viết: 第一课: 书写格式: 标点符号 1. Trọng điểm ngôn ngữ: Quy cách viết và dấu câu trong tiếng Trung. Sự khác biệt khi sử dụng dấu câu tiếng Trung và tiếng Việt. 2. Trọng điểm kỹ năng viết Kết hợp kỹ năng nghe và viết, cách biểu đạt bằng tiếng Trung 3. Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.	2	1	0	0	6	G_{1.1} G_{1.2} G_{2.1} G_{2.2} G_{3.1} G_{3.2} G_{4.1} G_{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các kỹ năng viết. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
2	Kỹ năng đọc 第一课: 阅读技能 一、阅读技能简介 1.通读 2.略读 3.跳读 4.查读 二、阅读练习 课文 1: 中国古代辉煌的科学技术 课文 2: 印错的美元 课文 3: 城市电话号码 课文 4: 最新即期外汇牌价: 外汇汇率查询	2	1	0	0	6	G_{1.1} G_{1.2} G_{2.1} G_{2.2} G_{3.1} G_{3.2} G_{4.1} G_{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về quy tắc, kỹ năng đọc. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
3	Kỹ năng viết 第二课: 自我介绍 1. Trọng điểm ngôn ngữ: Tính lược từ ngữ trong đoạn văn. 2. Trọng điểm kỹ năng viết Viết đoạn văn tự giới thiệu về bản thân 3. Bài tập	2	1	0	0	6	G_{1.1} G_{1.2} G_{2.1} G_{2.2} G_{3.1} G_{3.2} G_{4.1} G_{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các kỹ năng viết. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú.	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.							- SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	
4	Kỹ năng đọc 第二章：猜词 一、偏旁分析 第二课 课文 1：李约瑟拔高中国 古代科学成就 课文 2：旗袍 课文 3：赤道雪峰 第三课 课文 1：山水画和小鸟 课文 2：闹房 课文 3：茶叶的故乡—中国 课文 4：十个让你省油的小 tips 第四课 课文 1：唯美的韩剧 课文 2：姚明 课文 3：休闲就是快乐	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về quy tắc, kỹ năng đọc. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập - Bài kiểm tra thường xuyên
5	Kỹ năng viết 第三课: 给材料作文 ----- 看图写 故事 1. Trọng điểm ngôn ngữ: Cách sử dụng đại từ trong câu dẫn trực tiếp và khi đại từ làm định ngữ. 2. Trọng điểm kỹ năng viết Viết đoạn văn theo tranh. 3. Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các kỹ năng viết. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
6	Kỹ năng đọc 第二章：猜词 二、通过语素 第六课 课文 1：几则法规 课文 2：早期的自行车 课文 3：两个老师 课文 4：伦敦的出租汽车 第七课 课文 1：北京首都国际机场 课文 2：《欧美作家词典》目录 课文 3：广州市地铁线路图 课文 4：一堂令人难忘的绘画课 第八课 课文 1：《家庭日用大全》目录 课文 2：北京 2008 年第 29 届奥运会吉祥物——福娃 课文 3：《汉语 900 句》目录 课文 4：卡拉 OK 在意大利 第九课 课文 1：《美国旅游便览》目录 课文 2：客家人 课文 3：《日本人》目录 课文 4：冒充土著人的澳大利亚拜仁作家 第十课 课文 1：广州人与饮茶 课文 2：不要忘了那些饥饿的中国孩子 课文 3：生菜会	2	2	0	0	8	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về quy tắc, kỹ năng đọc. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
7		2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các kỹ năng viết.	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
							G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	- Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	
8	Kỹ năng đọc 第二章：猜词 三、简称 第十一课 课文 1：美国的孩子 课文 2：限制中学生的发型 课文 3：春城昆明 课文 4：短文两篇 第十二课 课文 1：孝敬父母 课文 2：短文两篇 课文 3：征婚启事	2	2	0	0	8	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về quy tắc, kỹ năng đọc. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
9	Kỹ năng viết 第五课 写作重点：请柬、邀约信、启事 1. Trọng điểm ngôn ngữ: Cách sử dụng danh lượng từ, các từ ngữ thường dùng khi viết thiệp mời, thư mời, thông báo; quy cách viết thiệp mời, thư mời, thông báo. 2. Trọng điểm kỹ năng viết Viết thiệp mời, thư mời,	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các kỹ năng viết. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	thông báo. 3. Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.							- Làm bài tập	
10	Kỹ năng đọc 第二章：猜词 四、词语互释 第十三课 课文 1：中国服装与世界 先进水平的差距 课文 2：北京的饮食 课文 3：你是穷人还是富 人 课文 4：地震后的世界杯 课文 5：最新火车时刻表 第十四课 课文 1：《清明上河图》 课文 2：九寨沟的魅力 课文 3：最新汽车价格表 第十五课 课文 1：云南过桥米线 课文 2：沉鱼落雁，闭月 羞花 课文 3：中国人口数 量 中国人口数量 课文 4：神七真神奇	2	2	0	0	8	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về quy tắc, kỹ năng đọc. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
11	Kỹ năng viết 第六课: 写作重点：一般书信 1. Trọng điểm ngôn ngữ Cách sử dụng các từ ngữ cấu trúc câu trong viết in thông thường. 2. Trọng điểm kỹ năng viết Viết thư tín thông thường. Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo cầu của GV.	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các kỹ năng viết. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
12	Kỹ năng đọc 第二章: 猜词 五、通过上下文 第十六课 课文 1: 可食餐具 课文 2: 扇子语 课文 3: 饮食该少肉多鱼 课文 4: 比尔先生 课文 5: 闪爱 第十七课 课文 1: 北京 2008 年残奥会会徽 课文 2: “购物天堂” 香港 课文 3: 京剧的来源 课文 4: 送书送书的故事 课文 5: 麻婆豆腐的传说 第十八课 课文 1: 长沙站客运班车时刻表 课文 2: 钓鱼的最佳时间 课文 3: “退稿”的启事 课文 4: 也说禁烟 第十九课 课文 1: 房屋租售广告 课文 2: 汉语学校学生们的自我介绍 课文 3: 勤用脑, 防衰老 课文 4: 最不能等待的事 第二十课 课文 1: 代做小偷小偷 课文 2: 音乐并非全部有益 课文 3: 散步 课文 4: 我们究竟可以有多坚强	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về quy tắc, kỹ năng đọc. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập - Bài kiểm tra thường xuyên
13	Kỹ năng đọc 第三章: 句子理解 一、压缩句子 第二十一课	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về quy tắc, kỹ năng đọc.	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	课文 1: 十二星座最怕失去的东西 课文 2: 能用汽车搬运的直升飞机 课文 3: 温暖的老妇 课文 4: 奇妙的生物共存 第二十二课 课文 1: 食物营养之最 课文 2: 化纤化纤的危害 课文 3: 生活方式引起都市病 课文 4: 第一个吃西红柿的人 课文 5: 李时珍著《本草纲目》						G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	- Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	
14	Ôn tập cuối kỳ Thi giữa kỳ	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Cùng cô, tổng kết lại toàn bộ các nội dung của môn học. - Giải đáp thắc mắc của SV về nội dung môn học (nếu có) Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài kiểm tra	- Chuyển cần - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ
	Tổng	28	17	0	0	90			

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMD (tham khảo cách trình bày)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1. Đánh giá quá trình	- Điểm chuyên cần - Tham gia phát biểu xây dựng bài - Bài kiểm tra đầu giờ - Bài tập nhóm - Bài tập cá nhân tại lớp	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bảo và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài Hoàn thành các bài tập được giao	20%

A2. Đánh giá giữa kỳ	Kiểm tra giữa học phần	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{2.3} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	<u>Kiến thức:</u> các cấu trúc tương đương, nội dung phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đã học <u>Kỹ năng:</u> Đọc đúng và chuẩn phát âm, viết – dịch Trung – Việt, Việt – Trung với các cấu trúc ngữ pháp, văn phong Trung Quốc – Việt Nam. <u>Thái độ:</u> tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh.	20%
A3. Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc học phần	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{2.3} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	<u>Kiến thức:</u> các cấu trúc tương đương, nội dung phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đã học <u>Kỹ năng:</u> Đọc đúng và chuẩn phát âm, viết – dịch Trung – Việt, Việt – Trung với các cấu trúc ngữ pháp, văn phong Trung Quốc – Việt Nam. <u>Thái độ:</u> tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh.	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chọn đáp án đúng (từ loại, từ vựng...)	Chuẩn NL (CĐR)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
Số câu: 25 Tỉ lệ: 54.3 %	Số câu: 25	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Đọc điền từ	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
Số câu: 10 Tỉ lệ: 21.8%	Số câu: 0	Số câu: 10	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Đọc hiểu đoạn văn	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
Số câu: 10 Tỉ lệ: 21.8%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 05	Số câu: 05	Số câu: 0
Viết đoạn văn theo chủ đề	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
Số câu: 01 Tỉ lệ: 2.1%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 01
Tổng số câu: 46 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 25 Tỉ lệ: 54.3%	Số câu: 10 Tỉ lệ: 21.8%	Số câu: 05 Tỉ lệ: 10.9%	Số câu: 05 Tỉ lệ: 10.9 %	Số câu: 01 Tỉ lệ: 2.1 %

TRƯỜNG KHOA

GIÁM ĐỐC CTĐT

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 4
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học chính quy
- Môn học tiên quyết: Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 3
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Không
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒				
		Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐	Bổ trợ ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	45	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	90	tiết
Lý thuyết:	45	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	60	tiết
Thực hành:		tiết	Làm bài tập ở nhà:	30	tiết
Thảo luận / Thuyết trình:		tiết	Làm việc nhóm:		tiết
Hoạt động khác:		tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Môn Đọc- Viết tiếng Trung 4 giúp sinh viên nắm vững kỹ năng đọc hiểu, đọc nhanh và nắm bắt được nội dung bài học, củng cố những từ vựng đã học, cung cấp thêm cho sinh viên một số lượng từ mới có liên quan các vấn đề sinh hoạt cuộc sống hằng ngày và một số vấn đề xã hội, nhân văn.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính

- [1] 周小兵, 《汉语中级阅读教程》II, 北京语言大学出版社, 2008
- [2] 赵建华, 祝秉耀, 《汉语写作教程》二年级, 上篇, 北京语言大学出版社, 2015

- Tài liệu tham khảo/bổ sung

- [2] 吴成年, 《读报纸学中文——中级汉语报刊阅读》上册, 北京大学出版社, 2004
- [3] 彭志平编著, 《汉语阅读教程》第三册, 北京语言大学出版社, 2010
- [4] Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa; NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2004

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G₁	Có kiến thức từ vựng phong phú theo các chủ đề, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc, hiểu ý nghĩa của các câu ngắn ngữ, thành ngữ, danh ngôn tiếng Hán trong học phần.	PLO4 PLO5	3.0
G₂	Nắm vững kỹ năng nghe viết tiếng Trung, đọc hiểu và phân tích văn bản tiếng Trung, từ đó tổng kết được cấu trúc và các mẫu câu quan trọng.	PLO6 PLO8	3.0
G₃	Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành. Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề.	PLO16 PLO18	3.0
G₄	Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.	PLO19	3.0

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 4 với CDR chương trình đào tạo ngành Cử nhân Ngôn ngữ Trung được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Trung cho học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 4

Học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 4	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Trung phân nhiệm cho học phần						
	PLO4	PLO5	PLO6	PLO8	PLO16	PLO18	PLO19
Trình độ năng lực	3.0	3.0	3.0	2.0	3.0	3.0	3.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Kỹ năng Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 4 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 4 đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Nắm vững tiếng Trung Quốc đạt trình độ năng lực Hán ngữ (HSK) cấp 5 theo Khung năng lực tiếng Hán 6 bậc kỹ năng Đọc, Viết.	3.0	PLO4
G1.2	Nâng cao kiến thức tiếng Trung Quốc để viết về các nội dung: giới thiệu bản thân, nhìn tranh kể chuyện, mở rộng phát triển câu truyện, viết thông báo, thư mời, thư tín cơ bản và thư tín xã hội..	3.0	PLO5
G2.1	Sử dụng thành thạo kỹ năng đọc tiếng Hán, kỹ năng viết các văn bản cơ bản, thông dụng trong cuộc sống hàng ngày, cách viết một đoạn văn kể chuyện.	2.0	PLO8
G2.2	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp đặt câu, viết đoạn văn và làm các bài tập có liên quan.	2.0	PLO6
G3.1	Sử dụng thành thạo cả bốn kỹ năng đọc – viết tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 5	3.0	PLO16
G3.2	Vận dụng dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	3.0	PLO18
G4.1	Hình thành nhận thức được tầm quan trọng của học phần cũng như lượng kiến thức và kỹ năng được cung cấp và rèn luyện trong quá trình tham gia học tập.	3.0	PLO19
G4.2	Phát triển các kỹ năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong khi giải quyết các vấn đề của học phần thông qua các hoạt động cá nhân và đội nhóm.	3.0	PLO19

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Kỹ năng viết 第一课: 写作重点: 社交书信 1. Trọng điểm ngôn ngữ: Cách sử dụng các từ ngữ và cấu trúc câu trong viết thư tín xã giao. 2. Trọng điểm kỹ năng viết Viết các loại thư tín xã giao: thư cảm ơn, thư chúc mừng, thư giới thiệu, đơn xin từ chức. 3. Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.	2	1	0	0	6	G_{1.1} G_{1.2} G_{2.1} G_{2.2} G_{3.1} G_{3.2} G_{4.1} G_{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các kỹ năng viết. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
2	Kỹ năng đọc 第一章: 抓主要观点 第三十一课: 抓主词或词组 第三十二课: 抓主句 第三十三课: 归纳主要观点 第三十四课: 避免相关观点的干扰 第三十五课: 文章结构	2	1	0	0	6	G_{1.1} G_{1.2} G_{2.1} G_{2.2} G_{3.1} G_{3.2} G_{4.1} G_{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về quy tắc, kỹ năng đọc. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
3	Kỹ năng viết 第二课: 介绍一个熟悉的城市或乡村 1 Trọng điểm ngôn ngữ: Các từ ngữ thường dùng biểu đạt thời gian, nơi chốn trong văn viết. 2 Trọng điểm kỹ năng viết Miêu tả một thành phố hoặc quê hương quen thuộc. 3 Bài tập	2	1	0	0	6	G_{1.1} G_{1.2} G_{2.1} G_{2.2} G_{3.1} G_{3.2} G_{4.1} G_{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các kỹ năng viết. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định.	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.							- Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	
4	Kỹ năng đọc 第二章: 抓标志词 第三十六课: 标志词 第三十七课: 重复和补充 第三十八课: 顺序与分类 第三十九课: 原因与信息来源依据 第四十课: 转折与对比 第四十一课: 结论与概括 第四十二课: 单元复习	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về quy tắc, kỹ năng đọc. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập - Bài kiểm tra thường xuyên
5	Kỹ năng viết 第三课: 叙事短文 1 Trọng điểm ngôn ngữ: Về câu và liên kết các vế câu 2 Trọng điểm kỹ năng viết Viết đoạn văn trần thuật 3 Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các kỹ năng viết. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ & trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
6	Kỹ năng đọc 第三章: 推测 第四十三课: 推测 第四十四课: 推测的分类 第四十五课: 意义的重复、对应与递进 第四十六课: 句子之间的关系和形式	2	2	0	0	8	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về quy tắc, kỹ năng đọc. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	
7	Kỹ năng viết 第四课: 给材料叙事记叙文 1 Trọng điểm ngôn ngữ: Các phần chính trong một bài văn, cách liên kết câu trong một đoạn và cách chuyển đoạn trong một bài văn. 2 Trọng điểm kỹ năng viết Viết văn trần thuật theo gợi ý cho sẵn. 3. Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các kỹ năng viết. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
8	Kỹ năng đọc 第四章: 评读 第四十七课: 区别事实与意见 第四十八课: 作者的意图、态度和语气 第四十九课: 单元复习	2	2	0	0	8	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về quy tắc, kỹ năng đọc. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
9	Kỹ năng viết 第五课: 叙事命题作文 1. Trọng điểm ngôn ngữ:	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các kỹ năng viết.	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Cấu trúc và cách diễn đạt mối quan hệ lựa chọn, nhân quả, chuyển ngữ giữa các phân câu trong một câu hoặc giữa các câu trong một đoạn văn. 2 Trọng điểm kỹ năng viết Viết bài văn trần thuật theo chủ đề. 3. Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.						G_{3.1} G_{3.2} G_{4.1} G_{4.2}	- Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	
10	Kỹ năng đọc 第五章：视幅 第五十课：按词切分句子 第五十一课：按词阅读 第五十二课：按六大成分切分句子 第五十三课：按六大成分阅读 第五十四课：按三大成分切分句子 第五十五课：按三大成分阅读	2	2	0	0	8	G_{1.1} G_{1.2} G_{2.1} G_{2.2} G_{3.1} G_{3.2} G_{4.1} G_{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về quy tắc, kỹ năng đọc. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
11	Kỹ năng viết 第六课： 人物的肖像描写和语言描写 1. Trọng điểm ngôn ngữ: Cách biểu đạt mối quan hệ đẳng lập, tăng tiến giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu trong một đoạn. 2 Trọng điểm kỹ năng viết Miêu tả ngoại hình và ngôn ngữ của nhân vật. 3. Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.	2	1	0	0	6	G_{1.1} G_{1.2} G_{2.1} G_{2.2} G_{3.1} G_{3.2} G_{4.1} G_{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các kỹ năng viết. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								- Làm bài tập	
12	Kỹ năng đọc 第六章：文章阅读 第五十六课：说明文的阅读 第五十七课：议论文的阅读 第五十八课：新闻阅读 第五十九课：散文阅读 第六十课：单元复习	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về quy tắc, kỹ năng đọc. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập - Bài kiểm tra thường xuyên
13	Kỹ năng viết 第六课： 人物的动作描写和心理描写 1 Trọng điểm ngôn ngữ: Cách biểu đạt mối quan hệ tiếp nối giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu trong một đoạn. 2 Trọng điểm kỹ năng viết Miêu tả hành động và tâm lý nhân vật. 3. Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về các kỹ năng viết. - Giải thích các hiện tượng ngữ pháp theo chủ đề của bài. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
14	Ôn tập cuối kỳ Thi giữa kỳ	2	1	0	0	6	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Cùng cố, tổng kết lại toàn bộ các nội dung của môn học. - Giải đáp thắc mắc của SV về nội dung môn học (nếu có) Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời	- Chuyển cần - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								- Làm bài kiểm tra	
	Tổng	28	17	0	0	90			

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMĐ (tham khảo cách trình bày)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1. Đánh giá quá trình	- Điểm chuyên cần - Tham gia phát biểu xây dựng bài - Bài kiểm tra đầu giờ - Bài tập nhóm - Bài tập cá nhân tại lớp	G_{1.1} G_{1.2} G_{2.1} G_{2.2} G_{3.1} G_{3.2} G_{4.1} G_{4.2}	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bảo và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài. Hoàn thành các bài tập được giao	20%
A2. Đánh giá giữa kỳ	Kiểm tra giữa học phần	G_{1.1} G_{1.2} G_{2.1} G_{2.2} G_{2.3} G_{3.1} G_{3.2} G_{4.1} G_{4.2}	<u>Kiến thức:</u> các cấu trúc tương đương, nội dung phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đã học <u>Kỹ năng:</u> Đọc đúng và chuẩn phát âm, viết – dịch Trung – Việt, Viết – Trung với các cấu trúc ngữ pháp, văn phong Trung Quốc – Việt Nam. <u>Thái độ:</u> tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh.	20%
A3. Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc học phần	G_{1.1} G_{1.2} G_{2.1} G_{2.2} G_{2.3} G_{3.1} G_{3.2} G_{4.1} G_{4.2}	<u>Kiến thức:</u> các cấu trúc tương đương, nội dung phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đã học <u>Kỹ năng:</u> Đọc đúng và chuẩn phát âm, viết – dịch Trung – Việt, Viết – Trung với các cấu trúc ngữ pháp, văn phong Trung Quốc – Việt Nam. <u>Thái độ:</u> tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh.	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chọn đáp án đúng (từ loại, từ vựng...)	Chuẩn NL (CĐR)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR

<i>Số câu: 25</i> <i>Tỉ lệ: 54.3 %</i>	<i>Số câu: 25</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Đọc diễn từ	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 10</i> <i>Tỉ lệ: 21.8%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 10</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Đọc hiểu đoạn văn	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 10</i> <i>Tỉ lệ: 21.8%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 05</i>	<i>Số câu: 05</i>	<i>Số câu: 0</i>
Viết đoạn văn theo chủ đề	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 01</i> <i>Tỉ lệ: 2.1%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 01</i>
Tổng số câu: 46 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	Số câu: 25 <i>Tỉ lệ: 54.3%</i>	Số câu: 10 <i>Tỉ lệ: 21.8%</i>	Số câu: 05 <i>Tỉ lệ: 10.9%</i>	Số câu: 05 <i>Tỉ lệ: 10.9 %</i>	Số câu: 01 <i>Tỉ lệ: 2.1 %</i>

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC CTĐT

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 5
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học chính quy
- Môn học tiên quyết: Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 4
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Không
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒				
		Cơ sở ngành ☐ ☒		Chuyên ngành ☐	Bổ trợ ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒ ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	45	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	90	tiết
Lý thuyết:	45	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	60	tiết
Thực hành:		tiết	Làm bài tập ở nhà:	30	tiết
Thảo luận / Thuyết trình:		tiết	Làm việc nhóm:		tiết
Hoạt động khác:		tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần nhằm củng cố những kiến thức ngôn ngữ tiếng Hán đã học, cung cấp, mở rộng thêm vốn từ vựng, nâng cao kỹ năng đọc hiểu các bài với các chủ đề khác nhau. Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, đọc lướt, từng bước trau dồi khả năng đọc hiểu độc lập cho người học. Sinh viên học xong học phần này đạt được kỹ năng tương đương đạt chuẩn trình độ HSK 5.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính

[1] 赵昀晖, 《高级汉语阅读与写作教程I(第2版)》, 北京大学出版社, 2010

- Tài liệu tham khảo/bổ sung

[2] 吴成年, 《读报纸学中文——中级汉语报刊阅读》上册, 北京大学出版社, 2004

[3] 彭志平编著, 《汉语阅读教程》第三册, 北京语言大学出版社, 2010

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G₁	Có kiến thức nâng cao về từ vựng phong phú theo các chủ đề, hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc, hiểu ý nghĩa của các câu ngôn ngữ, thành ngữ, danh ngôn tiếng Hán trong học phần.	PLO4 PLO5	3.0
G₂	Nắm vững kỹ năng nghe viết tiếng Trung, đọc hiểu và phân tích văn bản tiếng Trung, từ đó tổng kết được cấu trúc và các mẫu câu quan trọng.	PLO6 PLO8	3.0
G₃	Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành. Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề.	PLO16 PLO18	3.0
G₄	Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.	PLO19	3.0

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 5 với CDR chương trình đào tạo ngành Cử nhân Ngôn ngữ Trung được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Trung cho học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 5

Học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 5	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Trung phân nhiệm cho học phần						
	PLO4	PLO5	PLO6	PLO8	PLO16	PLO18	PLO19
Trình độ năng lực	3.0	3.0	3.0	2.0	3.0	3.0	3.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Kỹ năng Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 5 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Đọc – Viết Tiếng Trung Quốc 5 đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Nắm vững tiếng Trung Quốc đạt trình độ năng lực Hán ngữ (HSK) cấp 5 theo Khung năng lực tiếng Hán 6 bậc kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết.	3.0	PLO4
G1.2	Nâng cao kiến thức tiếng Trung Quốc để viết về các nội dung theo các chủ đề về đời sống, công việc, thương mại.....	3.0	PLO5
G2.1	Sử dụng thành thạo kỹ năng đọc tiếng Hán, kỹ năng viết các văn bản nâng cao, thông dụng trong cuộc sống hàng ngày, cách viết một đoạn văn kể chuyện.	2.0	PLO8
G2.2	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp đặt câu, viết đoạn văn và làm các bài tập có liên quan.	2.0	PLO6
G3.1	Sử dụng thành thạo kỹ năng đọc – viết tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 5.	3.0	PLO16
G3.2	Vận dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	3.0	PLO18
G4.1	Hình thành nhận thức được tầm quan trọng của học phần cũng như lượng kiến thức và kỹ năng được cung cấp và rèn luyện trong quá trình tham gia học tập.	3.0	PLO19
G4.2	Phát triển các kỹ năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong khi giải quyết các vấn đề của học phần thông qua các hoạt động cá nhân và đội nhóm.	3.0	PLO19

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	第一课	2	3	0	0	10	G1.1 G1.2	Giáo viên :	- Chuyển cần

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	阅读一：作为一种生活方式的“阅读” 阅读二：书房的生命 1. 生词 2. 阅读练习 3. 写作练习						G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	- Hướng dẫn lý thuyết về từ vựng, các kỹ năng viết, kỹ năng đọc. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm. Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Bài tập
2	第二课 阅读一：金融热：一种奇异的阅读现象 阅读二：重读《狼图腾》的若干思索 1. 生词 2. 阅读练习 3. 写作练习	2	3	0	0	10	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về từ vựng, các kỹ năng viết, kỹ năng đọc. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm. Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
3	第三课 阅读一：《甜蜜蜜》：系在城市舞榭的梦 阅读二：《阳光灿烂的日子》：一代人的梦 1. 生词 2. 阅读练习 3. 写作练习	2	3	0	0	10	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về từ vựng, các kỹ năng viết, kỹ năng đọc. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm. Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
4	第四课 阅读一：奥林匹克精神 阅读二：谁是体育大国 1. 生词 2. 阅读练习 3. 写作练习	2	3	0	0	10	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về từ vựng, các kỹ năng viết, kỹ năng đọc. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm. Sinh viên : - Nghe/ghi chú.	- Chuyển cần - Bài tập - Bài kiểm tra thường xuyên

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								- SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	
5	第五课 阅读一：文化的概念及分类 阅读二：略论中国人的思维方式 1. 生词 2. 阅读练习 3. 写作练习	2	3	0	0	10	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về từ vựng, các kỹ năng viết, kỹ năng đọc. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm. Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
6	第六课 阅读一：西方历史的政治解读（一） 阅读二：西方历史的政治解读（二） 1. 生词 2. 阅读练习 3. 写作练习	2	3	0	0	10	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về từ vựng, các kỹ năng viết, kỹ năng đọc. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm. Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
7	第六课 阅读一：凯文-卡特之死与新闻记者的道德底线 阅读二：想起了美国的一起新闻官司 1. 生词 2. 阅读练习 3. 写作练习	2	3	0	0	10	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Hướng dẫn lý thuyết về từ vựng, các kỹ năng viết, kỹ năng đọc. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm. Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	- Chuyển cần - Bài tập
8	第六课	2	3	0	0	10	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1}	Giáo viên :	- Chuyển cần - Bài tập

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	阅读一：安理会改革的势头放缓，“四国联盟”变成“三驾马车” 阅读二：鲍威尔抵以重启中东和谈，外交斡旋升温 1. 生词 2. 阅读练习 3. 写作练习						G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	- Hướng dẫn lý thuyết về từ vựng, các kỹ năng viết, kỹ năng đọc. - Đặt câu hỏi/ nêu vấn đề, yêu cầu làm cá nhân/nhóm. Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - SV đọc bài khóa trong thời gian quy định. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài tập	
9	Ôn tập cuối kỳ Thi giữa kỳ	2	3	0	0	10	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Giáo viên : - Cùng cố, tổng kết lại toàn bộ các nội dung của môn học. - Giải đáp thắc mắc của SV về nội dung môn học (nếu có) - Giao bài kiểm tra Sinh viên : - Nghe/ghi chú. - Đặt câu hỏi tương tác với giáo viên. - Suy nghĩ& trả lời - Làm bài kiểm tra	- Chuyển cần - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ
	Tổng	18	27	0	0	90			

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMĐ (tham khảo cách trình bày)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1. Đánh giá quá trình	- Điểm chuyên cần - Tham gia phát biểu xây dựng bài - Bài kiểm tra đầu giờ - Bài tập nhóm - Bài tập cá nhân tại lớp	G _{1.1} G _{1.2} G _{2.1} G _{2.2} G _{3.1} G _{3.2} G _{4.1} G _{4.2}	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài Hoàn thành các bài tập được giao	20%

A2. Đánh giá giữa kỳ	Kiểm tra giữa học phần	G_{1.1}	<u>Kiến thức:</u> các cấu trúc tương đương, nội dung phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đã học <u>Kỹ năng:</u> Đọc đúng và chuẩn phát âm, viết – dịch Trung – Việt, Việt – Trung với các cấu trúc ngữ pháp, văn phong Trung Quốc – Việt Nam. <u>Thái độ:</u> tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh.	20%
		G_{1.2}			
		G_{2.1}			
		G_{2.2}			
		G_{2.3}			
		G_{3.1}			
		G_{3.2}			
		G_{4.1}			
A3. Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc học phần	G_{1.1}	<u>Kiến thức:</u> các cấu trúc tương đương, nội dung phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đã học <u>Kỹ năng:</u> Đọc đúng và chuẩn phát âm, viết – dịch Trung – Việt, Việt – Trung với các cấu trúc ngữ pháp, văn phong Trung Quốc – Việt Nam. <u>Thái độ:</u> tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh.	60%
		G_{1.2}			
		G_{2.1}			
		G_{2.2}			
		G_{2.3}			
		G_{3.1}			
		G_{3.2}			
		G_{4.1}			
		G_{4.2}			

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chọn đáp án đúng (từ loại, từ vựng...)	Chuẩn NL (CĐR)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 25 Tỉ lệ: 44.6 %</i>	<i>Số câu: 25</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tìm lỗi sai	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 10 Tỉ lệ: 17.8%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 10</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Đọc hiểu đoạn văn	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 10 Tỉ lệ: 17.8%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 05</i>	<i>Số câu: 05</i>	<i>Số câu: 0</i>
Sắp xếp câu	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 10 Tỉ lệ: 17.8%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 05</i>	<i>Số câu: 05</i>	<i>Số câu: 0</i>
Viết đoạn văn theo chủ đề	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 01 Tỉ lệ: 2%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 01</i>
Tổng số câu: 56 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 25 Tỉ lệ: 44.6%	Số câu: 10 Tỉ lệ: 17.8%	Số câu: 05 Tỉ lệ: 8.9%	Số câu: 05 Tỉ lệ: 8.9 %	Số câu: 01 Tỉ lệ: 2 %

TRƯỞNG KHOA**GIÁM ĐỐC CTĐT****GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: **TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 1** (Tên tiếng Trung: 综合汉语 1; Tên tiếng Anh: **General Chinese 1**)
- Mã học phần: 06CQ0829
- Số tín chỉ: 4
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên ngành ☒				
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐		Bổ trợ ☐
		Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	60	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	140	tiết
Lý thuyết:	30	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	-	tiết
Thực hành:	0	tiết	Làm bài tập ở nhà:	-	tiết
Thảo luận / Thuyết trình:	30	tiết	Làm việc nhóm:	-	tiết
Hoạt động khác:	0	tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

- Môn học Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1 bao gồm 15 bài
- Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng khai thác thông tin, kỹ năng khác và thói quen để sinh viên chủ động tự học tập, luyện tập

3. NGUỒN HỌC LIỆU

a. Tài liệu/giáo trình chính:

- Trần Thị Thanh Liêm, Giáo trình Hán ngữ 1 (tập 1) – Quyền thượng, Nxb. Hồng Đức, 2019

- Trần Thị Thanh Liêm, Giáo trình Hán ngữ tập 1 – Quyền thượng, Nxb. Đại học Sư phạm, 2003. (kèm đĩa CD)

b. Tài liệu tham khảo/bổ sung:

- Trần Thị Thanh Liêm, Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004;

- Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, Sổ tay người học tiếng Hoa, Nxb. Khoa học xã hội, 2012;

- Các trang web về hướng dẫn học: <http://gongfubb.com/>;
<http://www.skycn.com/soft/57544.html>...

- Các loại học liệu khác: Slides bài giảng, bài đọc, bài tập, bài đọc thêm. Tài liệu lưu hành nội bộ do giảng viên phụ trách môn học biên soạn.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G1	Nắm vững kiến thức ngữ âm tiếng Hán, có khả năng phân biệt âm và ngữ điệu, nói lưu loát và phát âm chuẩn, đọc đúng ngữ âm, ngữ điệu các bài đọc. Có kiến thức từ vựng phong phú theo các chủ đề, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc, hiểu ý nghĩa của các câu ngôn ngữ, thành ngữ, danh ngôn tiếng Hán trong học phần. Nắm vững và sử dụng chuẩn xác các hiện tượng ngữ pháp được học để vận dụng đặt câu, viết đoạn văn và làm các bài tập có liên quan. Vận dụng tốt bốn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết, biết cách đặt câu, nối câu, dựng đoạn để có đoạn văn hoàn chỉnh; kể lại sự việc; có khả năng biểu đạt trong các tình huống giao tiếp khác nhau,...	PLO9 PLO12	3.0
G2	Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành.	PLO16 PLO17 PLO18	4.0 3.0 3.0
G3	Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học	PLO19 PLO20	3.0

	tập.		

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Tiếng Trung Quốc Tổng hợp 1 với CDR Chương trình đào tạo.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ Trung cho học phần Tiếng Trung Quốc Tổng hợp 1.

Học phần Tiếng Trung Quốc Tổng hợp 1	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Trung phân nhiệm cho học phần						
	PLO4	PLO6	PLO7	PLO8	PLO16	PLO18	PLO19
Trình độ năng lực	3.0	3.0	3.0	2.0	3.0	3.0	3.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Tiếng Trung Quốc Tổng hợp 1 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Tiếng Trung Quốc Tổng hợp 1 đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G _{1.1}	Nắm vững tiếng Trung Quốc đạt trình độ năng lực Hán ngữ (HSK) cấp 1 theo Khung năng lực tiếng Hán 6 bậc kỹ năng Nghe, nói, Đọc, Viết.	3.0	PLO4
G _{1.2}	Nâng cao kiến thức ngữ âm tiếng Hán, và khả năng phân biệt âm và ngữ điệu, nói lưu loát và phát âm chuẩn, đọc đúng ngữ âm, ngữ điệu theo các chủ đề bài học.	3.0	PLO7
G _{2.1}	Xác định chuẩn xác các hiện tượng ngữ pháp được học.	2.0	PLO8
G _{2.2}	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp đặt câu, viết đoạn văn và làm các bài tập có liên quan.	2.0	PLO6
G _{3.1}	Sử dụng thành thạo cả bốn kỹ năng đọc – viết tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 1	3.0	PLO16
G _{3.2}	Vận dụng dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	3.0	PLO18

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G4.1	Hình thành nhận thức được tầm quan trọng của học phần cũng như lượng kiến thức và kỹ năng được cung cấp và rèn luyện trong quá trình tham gia học tập.	3.0	PLO19
G4.2	Phát triển các kỹ năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong khi giải quyết các vấn đề của học phần thông qua các hoạt động cá nhân và đội nhóm.	3.0	PLO19

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Giới thiệu học phần Thảo luận các chi tiết của học phần Bài 1: 你好 1. Ngữ âm: + Thanh mẫu: b, p, m, d, t, n, l, g, k, h + Vận mẫu: a, o, e, i, u, ü, ai, ei, ao, ou + Thanh điệu: Thanh 1, 2, 3, 4 và Biến điệu của thanh 3 2. Chữ Hán: + Các nét cơ bản trong chữ Hán + Quy tắc viết chữ Hán 3. Từ mới: 4. Bài khóa: Xin chào 5. Bài tập	2	0	0	2	8	G1.1 G1.2 G1.4	Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học thuyết trình và trực quan Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
2	Bài 2: 汉语不太难 1. Ngữ âm:	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học thuyết trình và trực quan	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	+ Vận mẫu: an, en, ang, eng, ong + Thanh điệu: Thanh nhẹ Nửa thanh 3-4 Biền điệu của thanh 3 2. Từ mới: 3. Bài khóa: Tiếng Hán không khó lắm 4. Bài tập							Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
3	Bài 3: 谢谢 1. Ngữ âm: Thanh mẫu: j q Vận mẫu: i, ia, ie, iao, iou (iu), ian, iang, in, ing, iong, ü, üe, üan, ün, Biền điệu của 不 (bù) 2. Từ mới: 3. Bài khóa: Cảm ơn 4. Bài tập	2	0	0	2	8	G1.1 G3.2 G3.3	Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học thuyết trình và trực quan Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
4	Bài 4: 你去哪儿 1. Ngữ âm: Thanh mẫu: z c s Vận mẫu: i er ua uo uai uei(ui) uan uen(un) uang ueng er hóa 2. Từ mới: 3. Bài khóa: Bạn đi đâu đấy 4. Bài tập	2	0	0	2	8	G1.1 G3.2 G3.3	Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học thuyết trình và trực quan Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
5	Bài 5: 这是什么书 1. Ngữ âm: Thanh mẫu: zh ch sh r Vận mẫu: i	2	0	0	2	8	G1.1 G3.2 G3.3	Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học thuyết trình và trực quan Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	2.Từ mới: 3. Bài khóa: Đây là sách gì 4.Bài tập							Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
6	Bài 6: 这是王老师 1. Ngữ âm: Ôn luyện ngữ âm 2.Từ mới: 3. Bài khóa: Đây là thầy giáo Vương 4.Bài tập	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học thuyết trình và trực quan Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
7	Bài 7: 我学习汉语 1. Ngữ âm: Ôn luyện ngữ âm 2.Từ mới: 3. Bài khóa: 我学习汉语 4.Bài tập	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học thuyết trình và trực quan Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
8	Bài 8: 你吃什么 1. Ngữ âm: biến điệu của yī (一) 2.Từ mới: 3. Bài khóa: 你吃什么	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học thuyết trình và trực quan Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	4. Bài tập.							Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
9	Bài 9: 苹果一斤多 少钱 1. Ngữ âm: Ôn luyện ngữ âm 2. Từ mới: 3. Bài khóa: 苹果一斤多 少 钱 4. Bài tập	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học thuyết trình và trực quan Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
10	Bài 10: 我换人民币 1. Ngữ âm: Biến điệu của 3 thanh ba đi liền nhau 2. Từ mới: 3. Bài khóa: 我换人民币 4. Bài tập	2	0	0	2	8		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học thuyết trình và trực quan Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
11	Bài 11: 他住在哪儿 ? 1. Từ mới: 2. Ngữ pháp: - Thứ tự thành phần câu trong câu tiếng Hán. - Câu vị ngữ động từ. - Cách đọc các loại số 3. Bài khóa: 他住在哪儿 ? 4. Bài tập	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học thuyết trình và trực quan Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
12	Bài 12: 你身体好吗 Kiểm tra giữa kì 1. Từ mới 2. Bài khóa: 你身体好吗 3. Bài tập Kiểm tra giữa kì SV làm Bài kiểm tra giữa kỳ viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học thuyết trình và trực quan Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
13	Bài 13: 我们都是留学生 1. Ngữ âm: - Trọng âm của câu - Ngữ điệu 2. Từ mới: 3. Ngữ pháp: - Hỏi như thế nào? - Trạng ngữ - Phó từ —也 I và —都 I làm trạng ngữ 4. Bài khóa: 我们都是留学生 5. Bài tập	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học thuyết trình và trực quan Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
14	Bài 14: 你在哪儿学习? 1. Ngữ âm: - Trọng âm của câu - Ngữ điệu 2. Từ mới: 3. Ngữ pháp: - Hỏi như thế nào? (1): Đại từ nghi vấn - Định ngữ và trợ từ kết cấu —的 I - Giới từ —在 I và —给 I 4. Bài khóa: 你在哪儿学?	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học thuyết trình và trực quan Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	5. Bài tập							Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
15	Bài 15: 这个箱子 很重 1. Ngữ âm: - Trọng âm - Ngữ điệu câu hỏi chính phản 2. Từ mới: 3. Ngữ pháp: - Câu vị ngữ hình dung từ - Câu hỏi chính phản - Từ tổ chữ 一的 4. Bài khóa: 这个箱子很重 5. Bài tập	2	0	0	2	12		Chuẩn bị bài dạy và bài học Dạy học thuyết trình và trực quan Đọc và làm bài tập Thảo luận nhóm Trả lời câu hỏi Nghe giảng, phát biểu Đọc bài trước khi đến lớp Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Tìm hiểu nội dung, tra nghĩa từ vựng	
	Tổng	30	0	0	30	140			

7.ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMĐ

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Điểm Chuyên cần	G3, G4	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị báo và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Thuyết trình nhóm	G2.1 G2.2	<u>Kiến thức</u> : cấu trúc câu tương đương, thuật ngữ chuyên ngành, <u>Kỹ năng</u> : trình bày nội dung, soạn slides, dịch Trung Việt, Việt Trung <u>Thái độ</u> : độc lập suy nghĩ	Nội dung rõ ràng. Cấu trúc câu đúng văn phạm, nội dung tương đương. Phương pháp thuyết trình phù hợp	15%
	A2.2. Thi giữa kỳ	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các cấu trúc tương đương, nội dung dịch thuật phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đúng chuyên ngành <u>Kỹ năng</u> : viết và biên dịch Trung Việt, Việt Trung, sử dụng từ điển thích hợp <u>Thái độ</u> : tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh	15%
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Thi kết thúc học phần	G6.1, G6.2, G6.3	<u>Kiến thức</u> : các cấu trúc tương đương, nội dung dịch thuật phù hợp, cấu trúc và từ ngữ đúng chuyên ngành <u>Kỹ năng</u> : viết và biên dịch Trung Việt, Việt Trung, sử dụng từ điển thích hợp <u>Thái độ</u> : tư duy độc lập, quản lý thời gian	Hiểu từ vựng và nghĩa. Lựa chọn đáp án đúng và phù hợp. Hiểu nội dung chính và các ý hỗ trợ. Xác định nghĩa từ vựng theo văn cảnh	60%

8.MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Câu 1	Chuẩn NL (CĐR)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 2	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 3	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 4	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Câu 5	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0 %

P.TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC CTĐT

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ThS. Phạm Thành Trung

TS. Phạm Ngọc Anh

